

BÁO CÁO CHIẾN LƯỢC TUẦN



THỊ TRƯỜNG VÀO GIAI ĐOẠN TÍCH LŨY

Ngày: 24/11/2025 – 28/11/2025

NỘI DUNG BÁO CÁO

1. TỔNG QUAN VĨ MÔ – THỊ TRƯỜNG QUỐC TẾ
2. ĐIỂM NHẤN VĨ MÔ – THỊ TRƯỜNG VIỆT NAM
3. CHIẾN LƯỢC & CƠ HỘI ĐẦU TƯ NỔI BẬT
4. LỊCH SỰ KIỆN



TỔNG QUAN VĨ MÔ – THỊ TRƯỜNG QUỐC TẾ

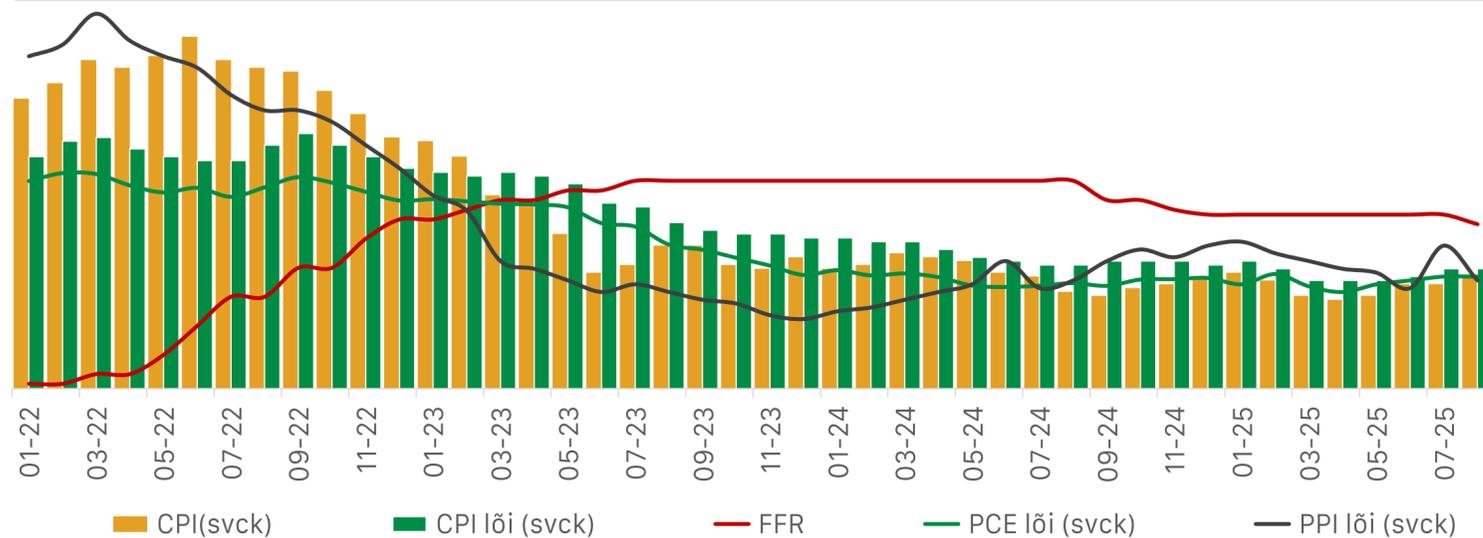


Mỹ đang chứng lại — tăng trưởng yếu, lạm phát dai dẳng và chính sách Fed vẫn trong trạng thái chờ đợi



nền kinh tế Mỹ đang trải qua giai đoạn “chứng lại có kiểm soát”: sản xuất yếu, nhưng tiêu dùng và dịch vụ kéo, lạm phát không bùng nhưng vẫn duy trì mức cao. Trong bối cảnh đó, Fed đang ở vị thế chờ đợi, đánh giá từng dữ liệu rồi mới quyết định. Kịch bản cơ sở là Fed sẽ thực hiện 1 lần cắt lãi (~25 bp) trước cuối năm hoặc đầu 2026 nếu dữ liệu tiếp tục yếu — đặc biệt là việc làm và PCE lõi không vượt kỳ vọng. Ngược lại, nếu lạm phát bật lại hoặc việc làm mạnh hơn dự kiến, Fed sẽ trì hoãn cắt hoặc giữ lãi lâu hơn. Điều này có nghĩa là USD có khả năng duy trì ở mức cao trong ngắn hạn và lợi suất dài hạn sẽ tiếp tục phản ứng mạnh với mỗi bản tin dữ liệu mới. Nhà đầu tư và nhà hoạch định nên theo dõi sát: (i) số liệu việc làm hàng tháng (NFP, claims), (ii) PCE/core-PCE & CPI hàng tháng, và (iii) phản ứng thị trường vốn — lợi suất kho bạc 2Y/10Y.

Lạm phát lõi hạ nhẹ nhưng vẫn gần vùng mục tiêu — Fed hành xử thận trọng

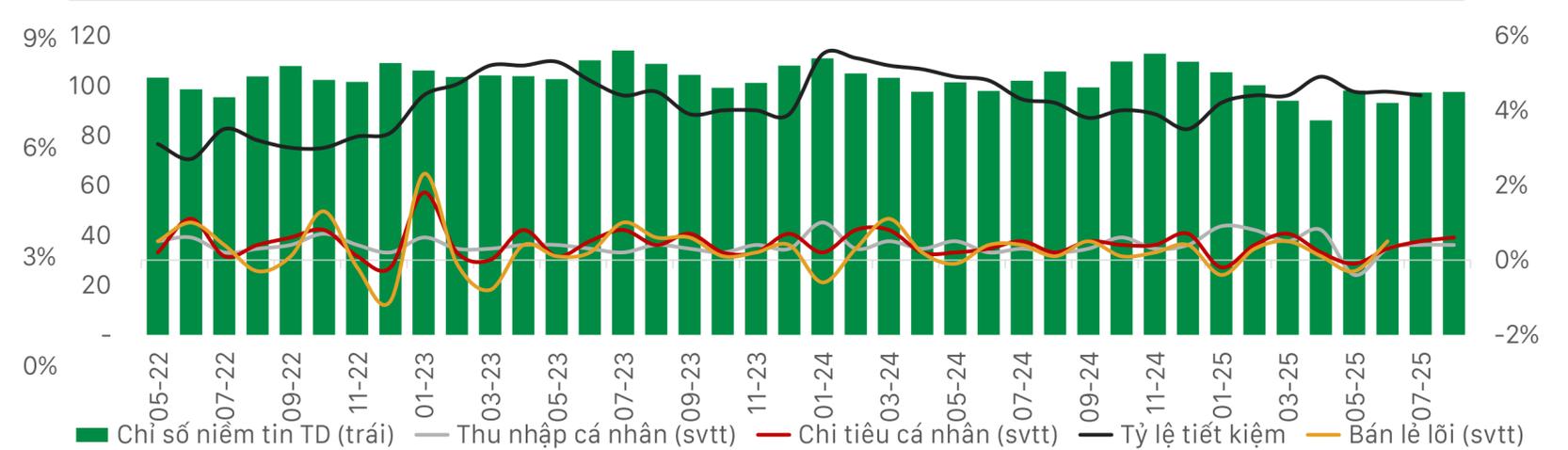


Hoạt động sản xuất tiếp tục suy yếu. Sản xuất của Mỹ trong tháng 11 rơi xuống mức thấp nhất 4 tháng — PMI sản xuất giảm còn 51.9, đơn hàng mới giảm mạnh và tồn kho hàng hoàn thành tăng lên mức cao kỷ lục. Sự suy yếu này cho thấy cú sốc từ giá đầu vào và nhu cầu ngoài nước đang bắt đầu lan sang sản xuất nội địa, làm suy giảm nền tảng tăng trưởng trước các ngành khác.

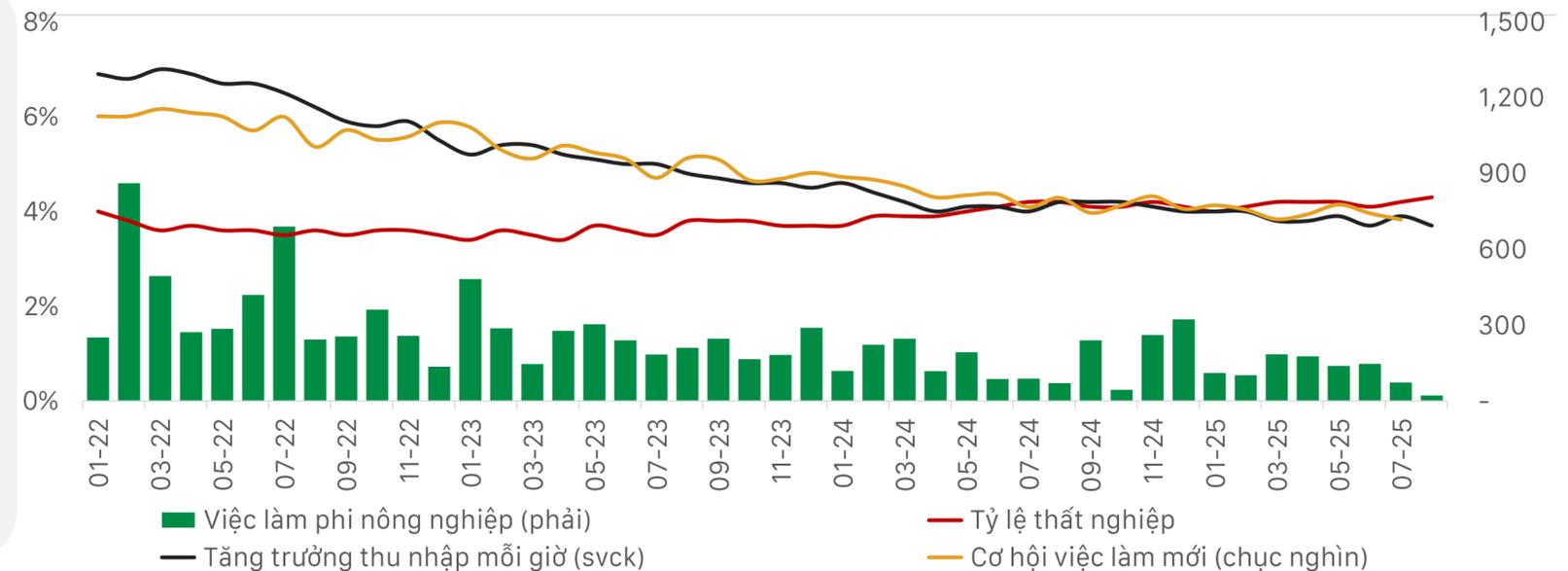
Tiêu dùng và việc làm vẫn bền, nhưng dấu hiệu phân hoá sâu. Tiêu dùng và thị trường lao động vẫn là điểm sáng nhưng đang thiên về nhóm thu nhập cao nhất, trong khi tầng lớp trung thấp chịu ảnh hưởng lớn từ lạm phát và tăng trưởng thu nhập chậm.

Fed hành động từng bước — cắt lãi có thể xảy ra nhưng phụ thuộc dữ liệu. Fed đã mở cửa nới lỏng nhưng không vội, do lạm phát vẫn gần mục tiêu và việc làm chưa rõ ràng; điều này tạo vô số kịch bản thị trường về lãi suất, USD và chi phí vốn.

Dấu hiệu suy yếu lao động và lo ngại về tiêu dùng — tâm lý người tiêu dùng giảm sâu

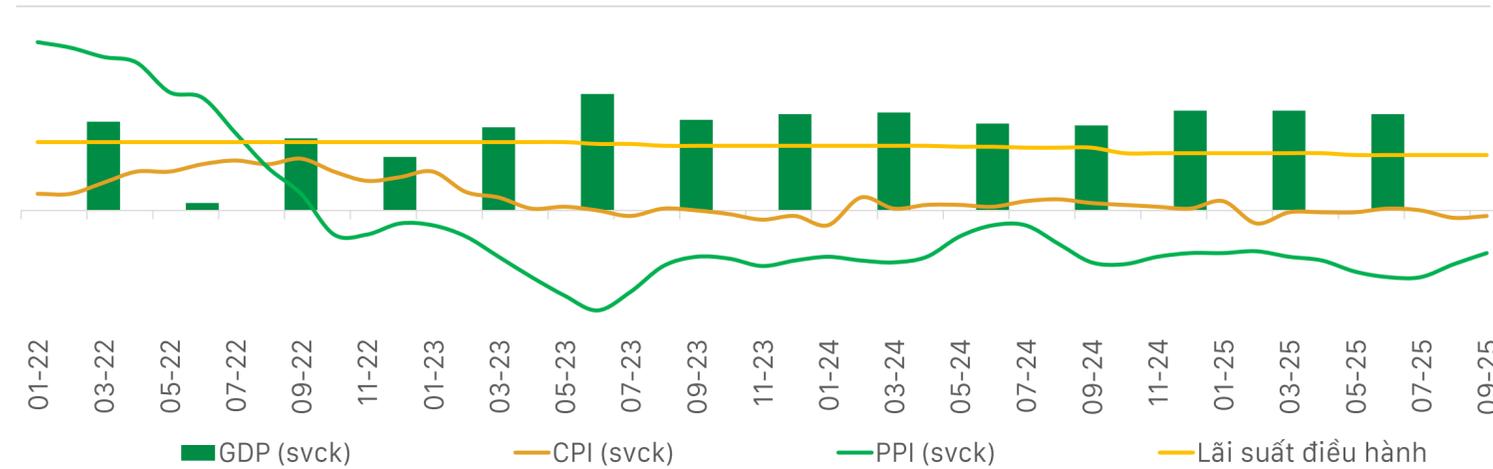


Báo cáo lao động chính thức bị gián đoạn — khiến Fed phải “dò đường” bằng nguồn thay thế



nền kinh tế Trung Quốc cho thấy tăng trưởng vẫn duy trì nhưng không đồng đều và dễ bị lung lay: sản xuất và đầu tư yếu, tiêu dùng không bứt phá, còn xuất khẩu và công nghệ là điểm sáng. Kịch bản cơ sở là tăng trưởng năm 2025 sẽ ở khoảng 4.8%–5.0%, nhưng để hướng tới cao hơn và bền hơn, Bắc Kinh cần kích thích tiêu dùng và tái cấu trúc đầu tư. Trong trường hợp tiêu dùng không hồi phục, khả năng chính sách hỗ trợ (giảm lãi, tăng chi tiêu công) sẽ đẩy mạnh trong đầu 2026 — ngược lại nếu xuất khẩu hoặc công nghệ gặp cú sốc, tăng trưởng có thể trượt dưới 4.5%.

Chính sách hỗ trợ tiếp tục có chọn lọc, không "xả lực" đại trà

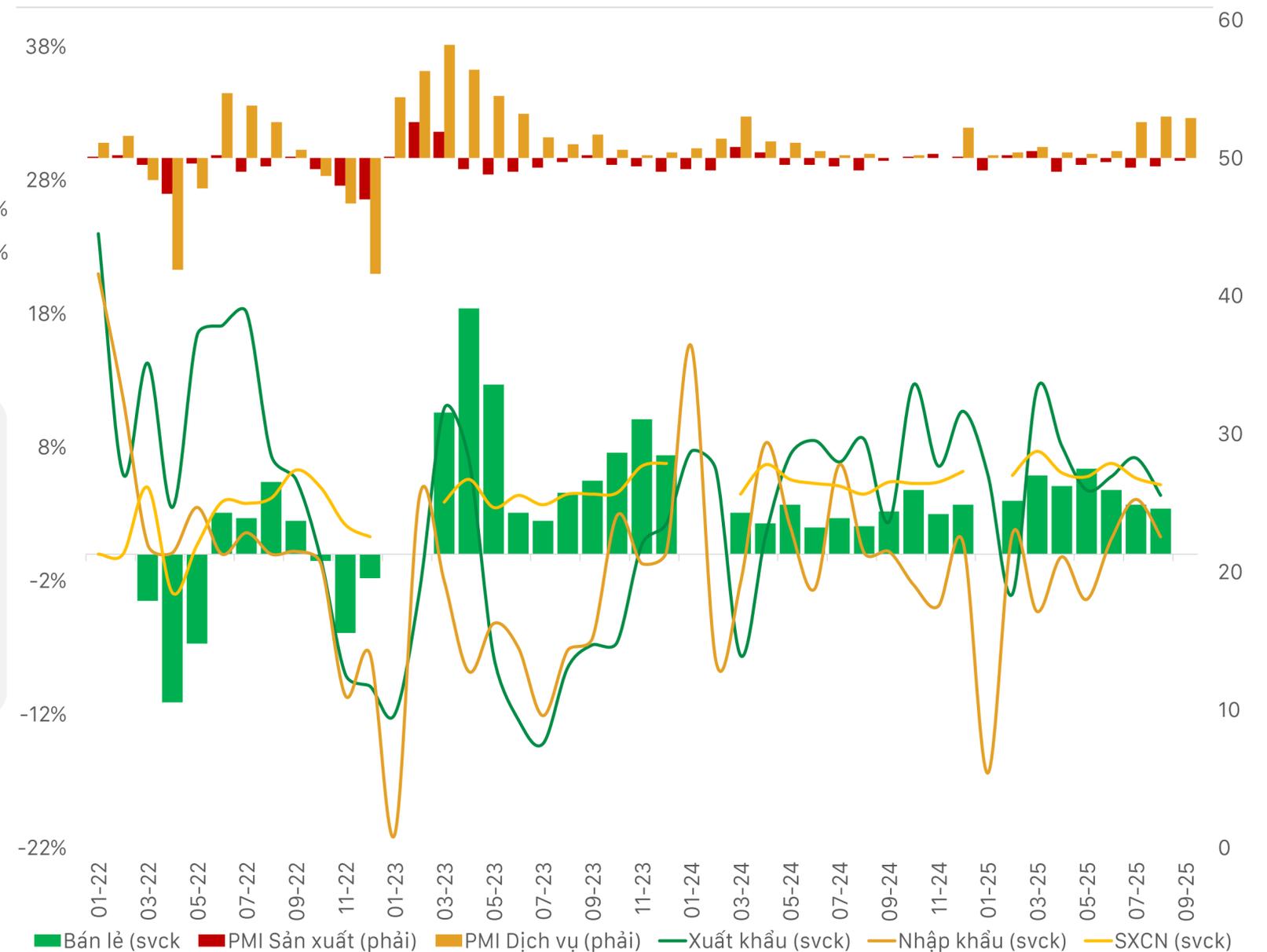


Sản xuất và bán lẻ lần lượt ghi nhận mức thấp mới trong tháng 10. Chỉ số sản xuất công nghiệp và bán lẻ tăng trưởng yếu nhất trong hơn một năm, cho thấy sức kéo từ nội địa gần như mất.

Xuất khẩu và công nghệ giữ vai trò trụ đỡ tăng trưởng. Q3 GDP tăng 4.8% y/y nhờ xuất khẩu, các nhà phân tích nâng dự báo tăng trưởng 2025 lên khoảng 5%.

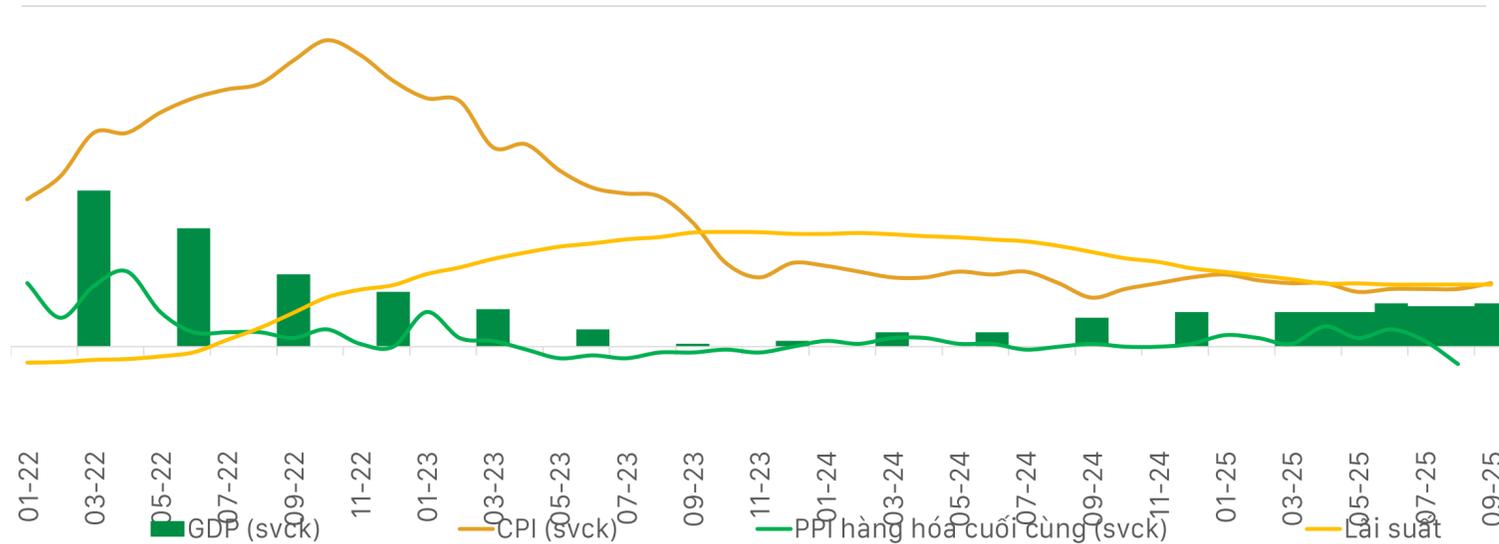
Đầu tư suy yếu và mô hình tăng trưởng đang bị thử thách. Đầu tư tài sản cố định tiếp tục giảm, kéo dài chuỗi giảm thứ 5 liên tiếp, phản ánh rủi ro trong cơ cấu đầu tư.

Sản xuất và xuất khẩu giữ vai trò "xương sống tăng trưởng".



khu vực đồng euro vận hành ở trạng thái “ổn định nhưng dễ tổn thương”: lạm phát đã lùi về gần mục tiêu nên ECB có không gian tạm dừng, nhưng nền tảng tăng trưởng vẫn mỏng và phân hoá — dịch vụ là điểm sáng ngắn hạn, trong khi sản xuất (đặc biệt ở Đức, Ý, Pháp một số thời điểm) còn yếu. Kịch bản cơ sở: trong 1–2 quý tới ECB giữ lãi và chỉ cắt hoặc siết thêm nếu chuỗi HICP/core-CPI, dữ liệu việc làm và PMI cho thấy xu hướng rõ rệt; khả năng cắt lãi sớm thấp trừ khi lạm phát tụt sâu và kéo dài. Rủi ro chính gồm: (i) cú sốc năng lượng/giá khí đốt làm bật headline lên lại, (ii) suy yếu lan rộng ở ngành sản xuất gây đà giảm GDP, và (iii) bất ổn chính trị làm xói mòn niềm tin đầu tư — bất kỳ trường hợp nào cũng có thể buộc ECB và các chính phủ phải phối hợp chính sách tiền tệ-tài khóa mạnh hơn.

Lạm phát quanh ~2% — giảm áp lực chính sách

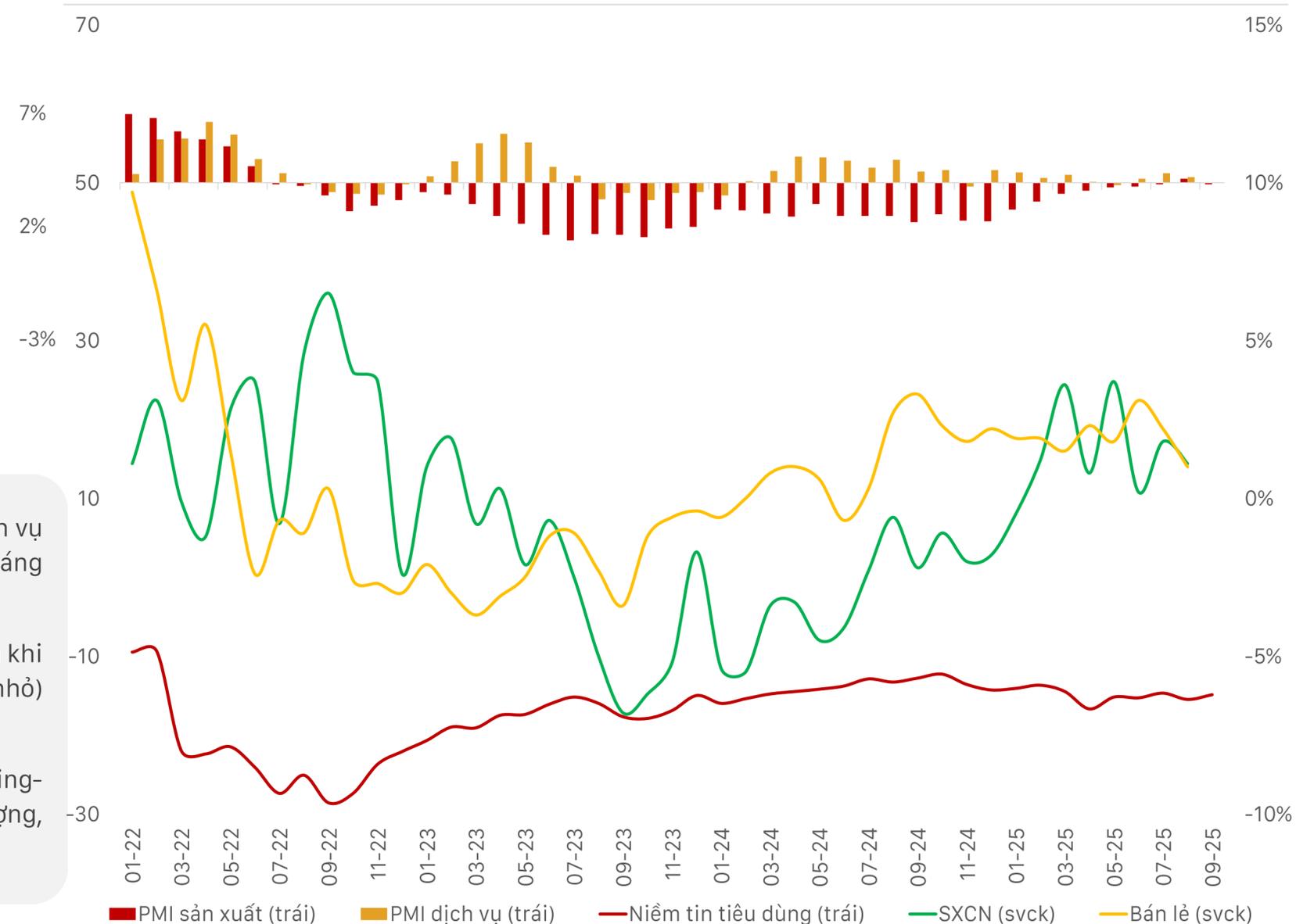


Lạm phát dịch chuyển về gần mục tiêu (~2%). Headline HICP duy trì quanh ~2%–2.2%; yếu tố dịch vụ vẫn ấm nhưng năng lượng kéo headline biến động nhỏ — áp lực hành động gấp rút của ECB giảm đáng kể.

Tăng trưởng phân hoá: dịch vụ kéo, sản xuất và Đức yếu. PMI dịch vụ tiếp tục mở rộng nhẹ trong khi PMI sản xuất dao động quanh mốc 50 (hoặc hơi co hẹp ở một số nước), GDP khu vực tăng yếu (q/q nhỏ) — tức phục hồi không đồng đều giữa các quốc gia và ngành.

ECB tạm dừng thay đổi lãi; rủi ro ngoại sinh quyết định bước tiếp. ECB duy trì chính sách “meeting-by-meeting”: giữ lãi trong ngắn hạn và để dữ liệu (HICP, việc làm, PMI) quyết định; rủi ro năng lượng, chuỗi cung và biến động địa chính trị có thể buộc phải hành động nhanh.

Hoạt động kinh doanh phân hoá — dịch vụ tốt, sản xuất chỉ xao sát ngưỡng mở rộng.

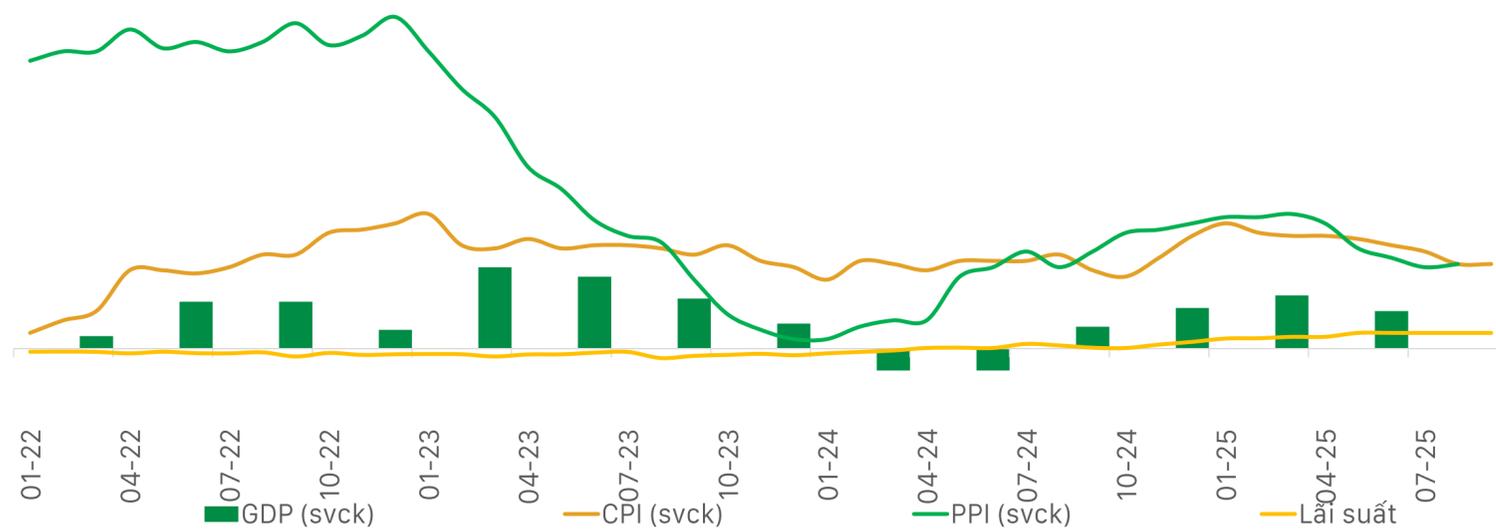


Nhật Bản: Phục hồi yếu – tiêu dùng chậm, lạm phát hạ nhiệt, BOJ duy trì lộ trình thắt chặt rất thận trọng



bức tranh kinh tế Nhật Bản mang đặc trưng “phục hồi nhưng thiếu động lực”: cầu nội địa suy yếu kìm hãm tăng trưởng, trong khi lạm phát giảm nhanh tạo dư địa nhưng cũng phản ánh rủi ro cầu yếu lan rộng. BOJ vẫn là ngân hàng trung ương thận trọng nhất trong nhóm G7 — giữ chính sách bình thường hóa rất chậm để tránh kéo tụt đà phục hồi non trẻ. Kịch bản cơ sở: lãi suất chỉ tăng nhẹ thêm 1 lần hoặc giữ nguyên trong vài quý tới; đồng JPY ổn định hơn khi chênh lệch lãi suất với Mỹ/Châu Âu thu hẹp dần; tăng trưởng 2026 phụ thuộc mạnh vào chu kỳ tăng lương và sức kéo từ xuất khẩu. Rủi ro chính là tiêu dùng tiếp tục yếu và doanh nghiệp giảm đầu tư, có thể buộc BOJ điều chỉnh chậm hơn nữa so với kỳ vọng.

Lạm phát lõi đô thị tiếp tục cao hơn 2% — tạo áp lực lên BOJ.

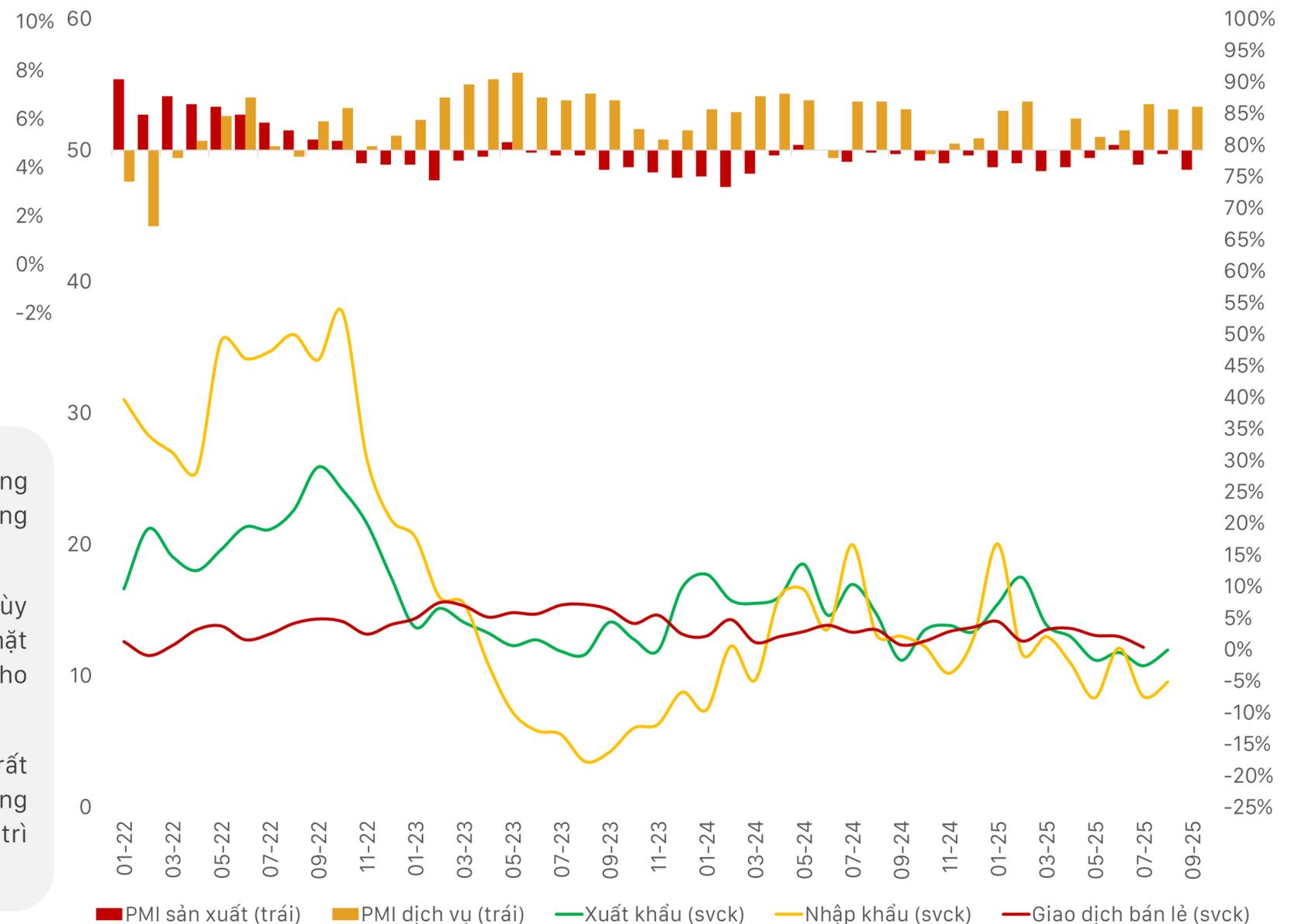


Nhu cầu trong nước phục hồi chậm, tiêu dùng còn yếu. Tiêu dùng hộ gia đình cải thiện nhưng không mạnh, do thu nhập thực phục hồi chậm và niềm tin tiêu dùng dao động. Xuất khẩu hỗ trợ tăng trưởng nhưng không bù được sự yếu đi của cầu nội địa, khiến đà phục hồi GDP nhìn chung còn mong manh.

Lạm phát hạ nhiệt rõ rệt tạo dư địa chính sách. CPI lõi tiếp tục giảm về vùng ~2% hoặc thấp hơn tùy tháng, nhờ giá năng lượng ổn định và giá thực phẩm tăng chậm lại. Điều này giảm áp lực phải thắt chặt mạnh tay hơn và cho phép BOJ cân nhắc điều chỉnh chính sách theo nhịp độ chậm, tránh gây sốc cho tăng trưởng.

BOJ giữ lập trường thắt chặt từng bước, theo sát dữ liệu lương – giá. BOJ duy trì lãi suất dương rất thấp và kiểm soát đường cong lợi suất theo kiểu “linh hoạt”, chỉ điều chỉnh khi thị trường biến động mạnh. Tâm điểm vẫn là quan sát tăng lương năm tài khóa mới và kỳ vọng lạm phát: nếu lương duy trì tăng thực, BOJ mới đẩy nhanh bình thường hóa; ngược lại sẽ tiếp tục cản trở.

Sản xuất co hẹp rõ rệt — PMI sản xuất ở đáy 19 tháng.



PMI sản xuất (trái) PMI dịch vụ (trái) Xuất khẩu (svck) Nhập khẩu (svck) Giao dịch bán lẻ (svck)

DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG QUỐC TẾ



Chỉ số	Đóng cửa	1 Tuần	1 Tháng	Từ đầu năm	1 Năm
Gold	4,063.98	-0.5%	-0.9%	54.9%	49.6%
WTI/USD	58.06	-3.4%	-0.8%	-19.1%	-18.5%
Bitcoin	83,969	-12.1%	-23.7%	-10.0%	-14.1%
Dow Jones	46,245	-1.9%	-0.7%	8.7%	4.4%
S&P 500	6,603	-2.0%	-1.4%	12.3%	10.6%
Nasdaq	24,240	-3.1%	-2.6%	15.4%	16.7%
GP100	9,540	-1.6%	0.3%	16.7%	15.5%
DAX	23,092	-3.3%	-4.4%	16.0%	19.5%
CAC 40	7,983	-2.3%	-2.7%	8.2%	10.0%
Euro Stoxx 50	5,523	-3.0%	-2.1%	12.8%	15.3%
Nikkei 225	48,626	-3.5%	-1.4%	21.9%	27.0%
Shanghai	3,835	-3.9%	-2.0%	14.4%	17.4%
Hang Seng	25,220	-5.1%	-2.2%	25.7%	31.2%
Vnindex	1,655	1.2%	-1.4%	30.6%	34.8%
Set 50	819	-1.2%	-3.5%	-9.6%	-12.3%
VND/USD	26,353	0.0%	0.0%	3.4%	3.7%
DXY	100.18	0.9%	1.3%	-7.7%	-6.8%

- Tuần 17–21/11/2025, thị trường chứng khoán Mỹ giảm mạnh nhất trong nhiều tháng. S&P 500 mất gần 2%, Nasdaq giảm 2,5%, Dow Jones giảm 1,8%. Nguyên nhân chính là báo cáo lợi nhuận Nvidia gây thất vọng, dữ liệu việc làm yếu và lo ngại suy thoái. Chỉ số sợ hãi VIX vọt lên 28, tâm lý thị trường rơi vào “sợ hãi cực độ”. Phiên 21/11 phục hồi nhờ phát biểu ôn hòa của quan chức Fed, nâng xác suất cắt giảm lãi suất 25 bps tháng 12 lên 65%, nhưng vẫn không đủ bù đắp mức lỗ cả tuần. Cổ phiếu công nghệ và nhóm “Magnificent 7” chịu áp lực bán mạnh nhất.
- Bitcoin trải qua tuần tồi tệ nhất năm 2025, giảm khoảng 12–13% từ 94.100 USD xuống còn 83.000 USD. ETF Bitcoin tại Mỹ bị rút vốn kỷ lục 3,79 tỷ USD trong 5 ngày, gây thanh lý dài hạn hơn 1,2 tỷ USD. Hỗ trợ tâm lý 80.000 USD đang bị thử thách nghiêm trọng, chỉ số Fear & Greed giảm còn 11 điểm. Dù một số nhà phân tích vẫn giữ mục tiêu 110.000–120.000 USD cuối năm, ngắn hạn BTC chịu áp lực đồng bộ với chứng khoán rủi ro. Ngược lại, vàng là điểm sáng duy nhất. Lợi suất trái phiếu thực giảm, đồng USD yếu và nhu cầu trú ẩn tăng đã đẩy dòng tiền vào vàng. ETF vàng toàn cầu tiếp tục hút ròng, dự trữ tăng thêm hàng chục tấn.

ĐIỂM NHẤN VĨ MÔ – THỊ TRƯỜNG VIỆT NAM



THANH KHOẢN DỒI DÀO — DXY BIẾN ĐỘNG, NHƯNG USD/VND NEO CAO; NHNN CAN THIỆP CÓ CHỌN LỌC



NHNN đang vận hành chiến lược “nới lỏng có kiểm soát + can thiệp FX có chọn lọc”: bơm ròng qua OMO để giữ thanh khoản, đồng thời dùng hợp đồng kỳ hạn có quyền huỷ cho NHTM thiếu USD nhằm kìm nhip tăng tỷ giá mà không làm xói mòn dự trữ nhanh. Kịch bản ngắn hạn: Nếu DXY giảm bền do Fed cắt lãi và nhu cầu USD nội địa hạ nhiệt → áp lực lên USD/VND sẽ dần suy giảm; NHNN có thể thu hẹp cường độ bơm ròng/can thiệp. Nếu DXY bật lại hoặc cầu USD nội địa vẫn mạnh → NHNN buộc phải duy trì bơm ròng và can thiệp FX, làm tăng áp lực lên dự trữ ngoại hối nếu tình trạng kéo dài. Theo dõi ưu tiên: (i) diễn biến DXY & các báo cáo lạm phát/việc làm Mỹ; (ii) mức bơm/hút OMO và các thông báo bán ngoại tệ kỳ hạn từ SBV/NHNN; (iii) tỷ giá giao dịch tại kênh ngân hàng và chênh lệch với thị trường tự do — những chỉ báo này sẽ quyết định cường độ can thiệp và rủi ro về dự trữ.

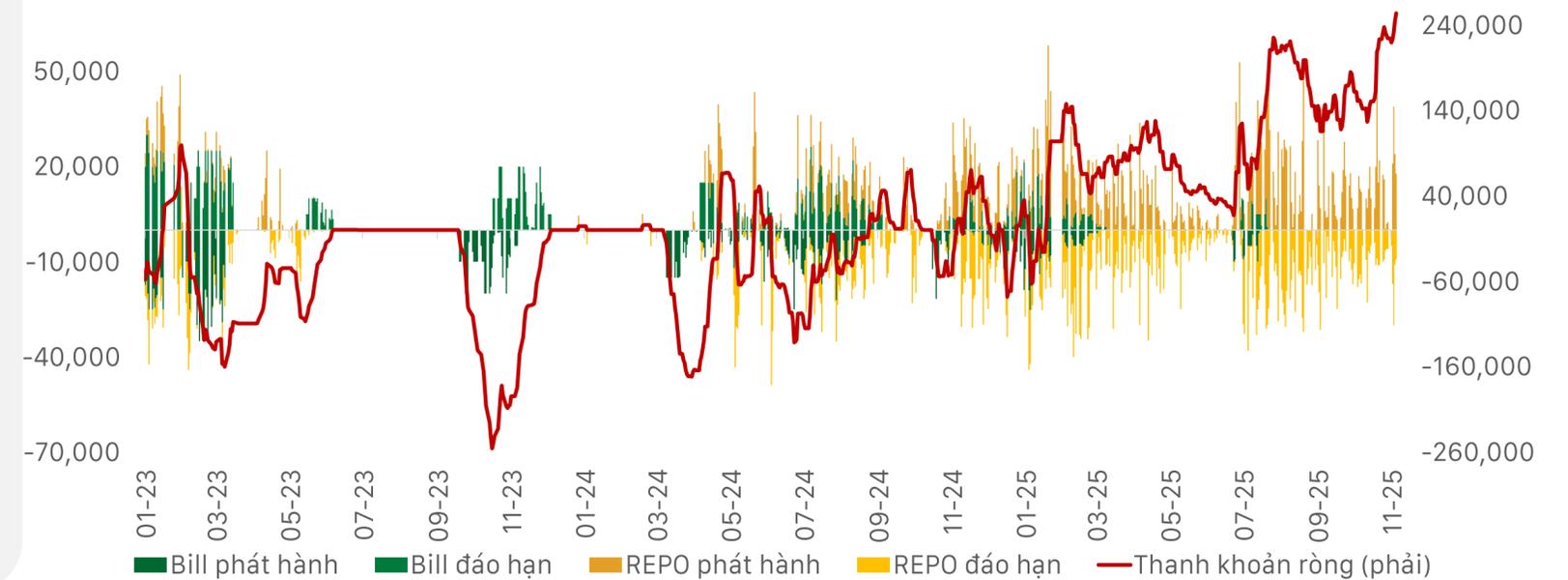
- **DXY biến động — tâm lý cắt lãi Fed lung lay, USD có lúc tăng trở lại.** DXY đã phục hồi lên quanh/qua mốc 100 khi thị trường giảm bớt kỳ vọng cắt lãi gần hạn sau một loạt dữ liệu Mỹ mạnh, làm tăng áp lực lên đồng tiền các thị trường mới nổi. Diễn giải ngắn: DXY không còn xu hướng chắc chắn giảm — điều này làm cho áp lực lên tỷ giá VND phụ thuộc đồng thời vào động lực trong nước (cầu USD) chứ không chỉ phản ứng với DXY.
- **USD/VND neo cao — cầu thanh toán, nhập khẩu.** Tỷ giá giao dịch tại các NHTM duy trì quanh ~26.350 VND/USD (các phiên gần đây), trong khi thị trường tự do có các nhip cao hơn; Ngay cả khi DXY tạm lùi, nhu cầu USD từ chuỗi thương mại, giao dịch thanh toán và hedging khiến VND khó giảm mạnh; một số ngân hàng vẫn báo trạng thái thiếu USD cục bộ.
- **NHNN vận hành “nới lỏng có kiểm soát” — bơm ròng OMO lớn + can thiệp FX có chọn lọc.** NHNN đã thực hiện các phiên bơm ròng để duy trì thanh khoản; bên cạnh đó SBV/SBV đã từng sử dụng công cụ bán USD kỳ hạn có quyền huỷ cho các NHTM thiếu ngoại tệ nhằm hạ nhip tăng tỷ giá mà không rút cạn dự trữ.

DXY biến động — tâm lý cắt lãi Fed lung lay, USD có lúc tăng trở lại

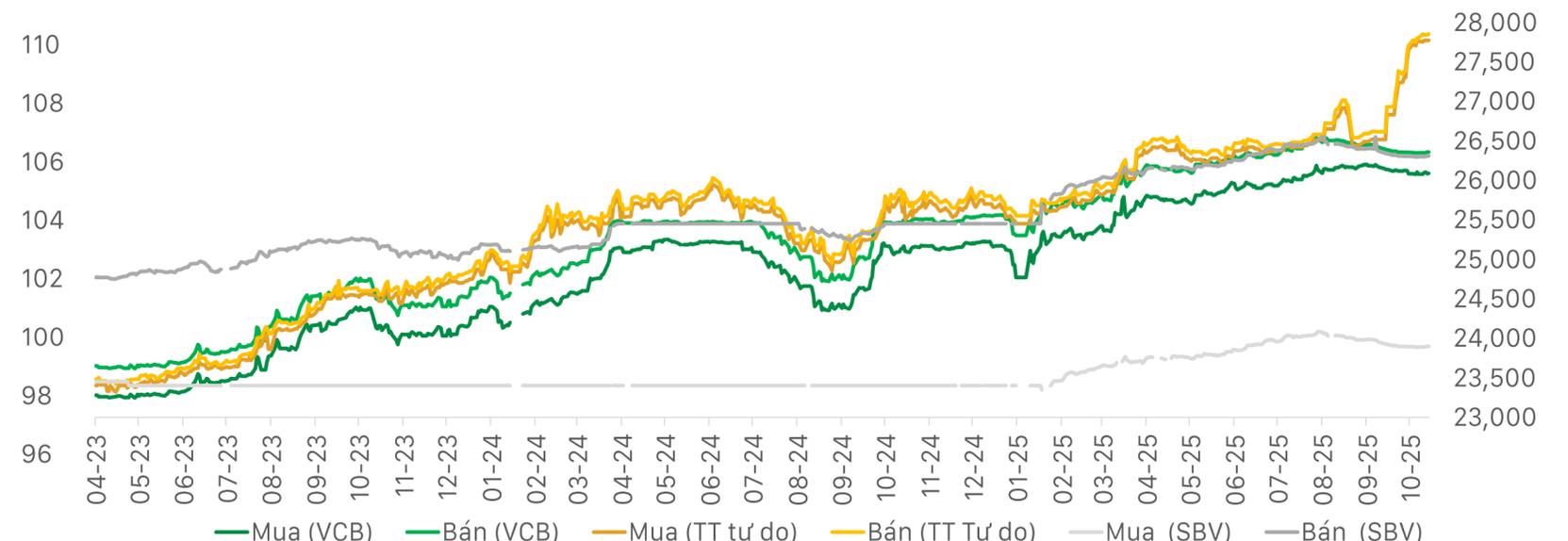


NHNN vận hành “nới lỏng có kiểm soát” — bơm ròng OMO lớn + can thiệp FX có chọn lọc

Đơn vị: Nghìn Tỷ VND



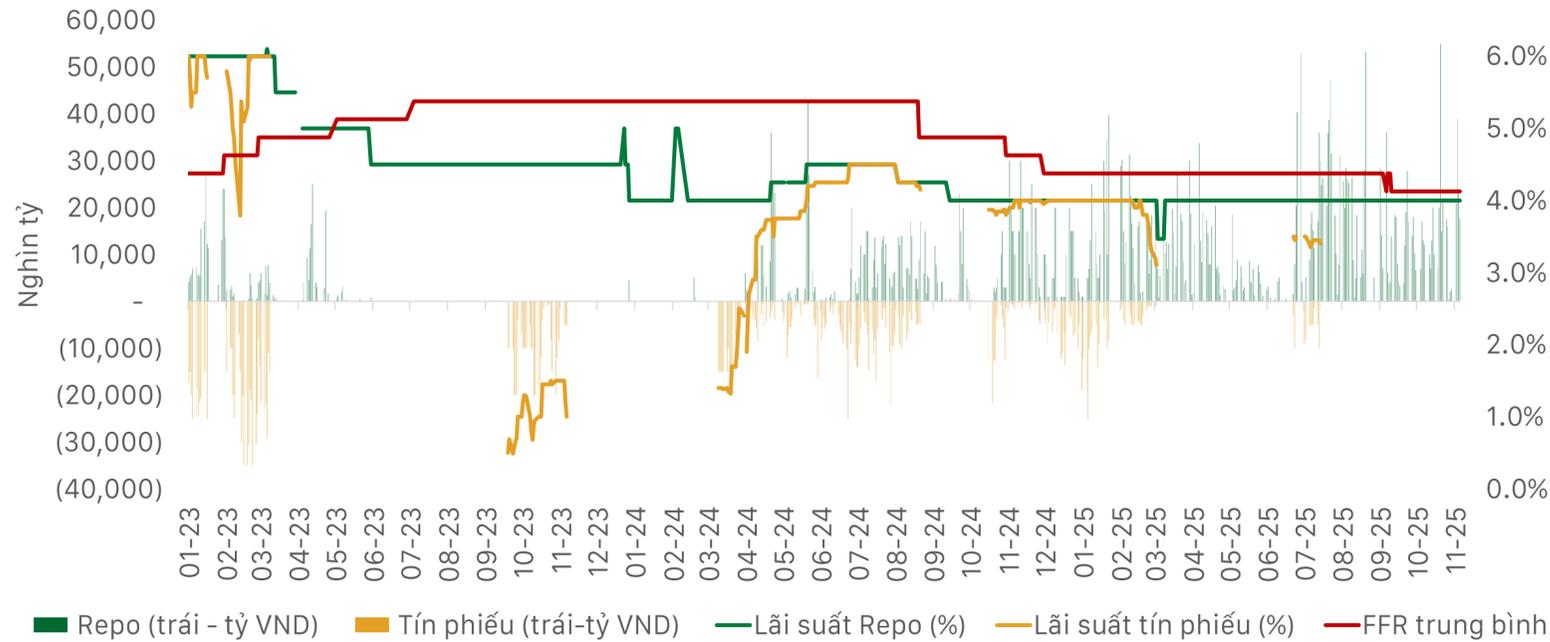
USD/VND neo cao — chênh lệch tỷ giá chợ đen và hệ thống ngân hàng càng xa. Đơn vị: VND/USD



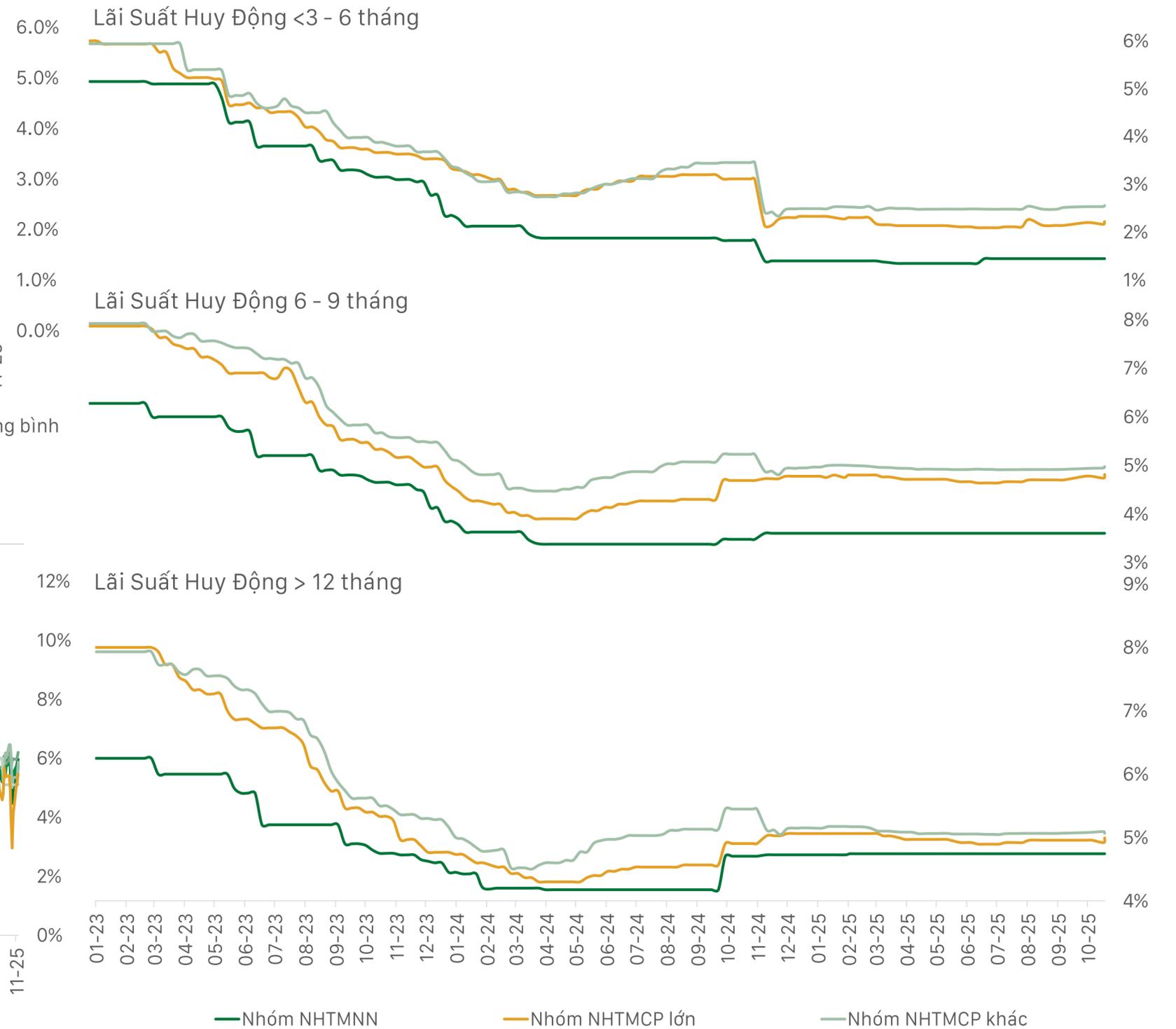
LÃI SUẤT VẪN ĐƯỢC GIỮ Ở MỨC ĐỘ PHÙ HỢP



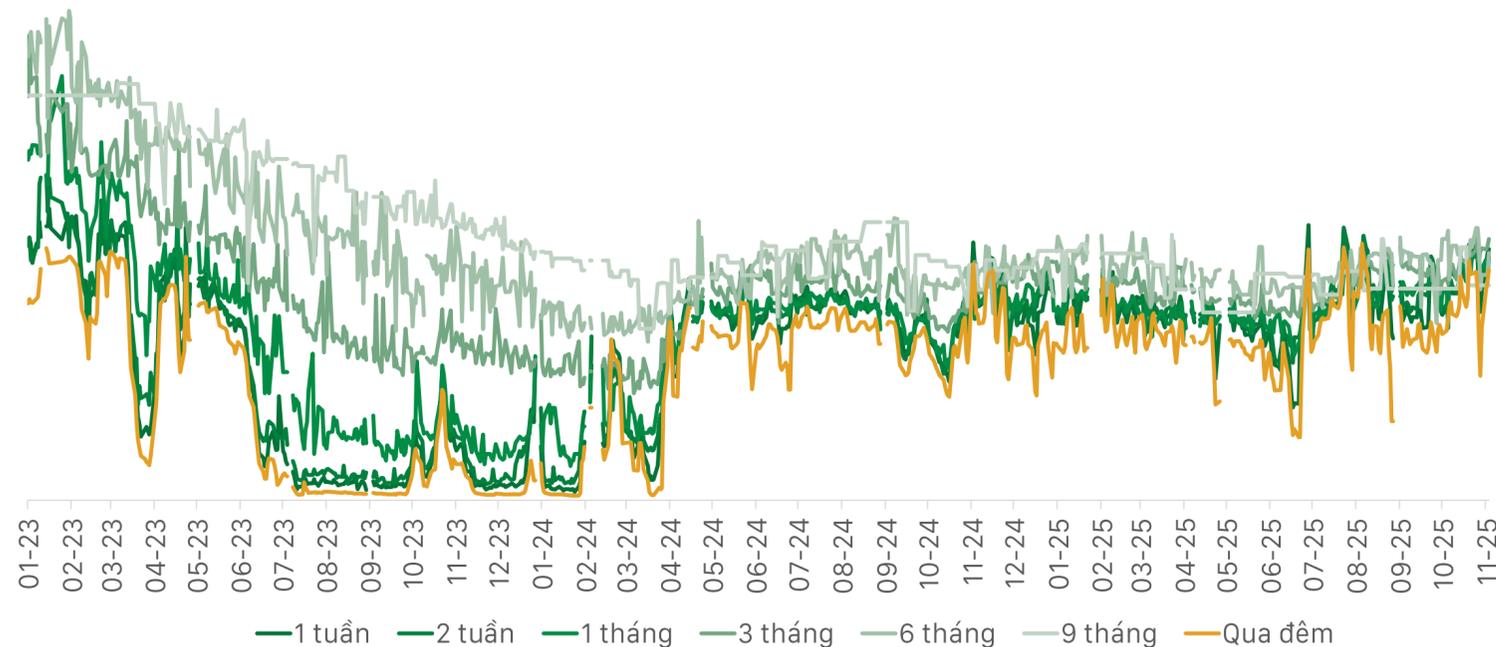
NHNN tiếp tục bơm mạnh Repo trở lại



Mặt bằng lãi suất huy động thấp, chênh lệch giữa các nhóm NHTM



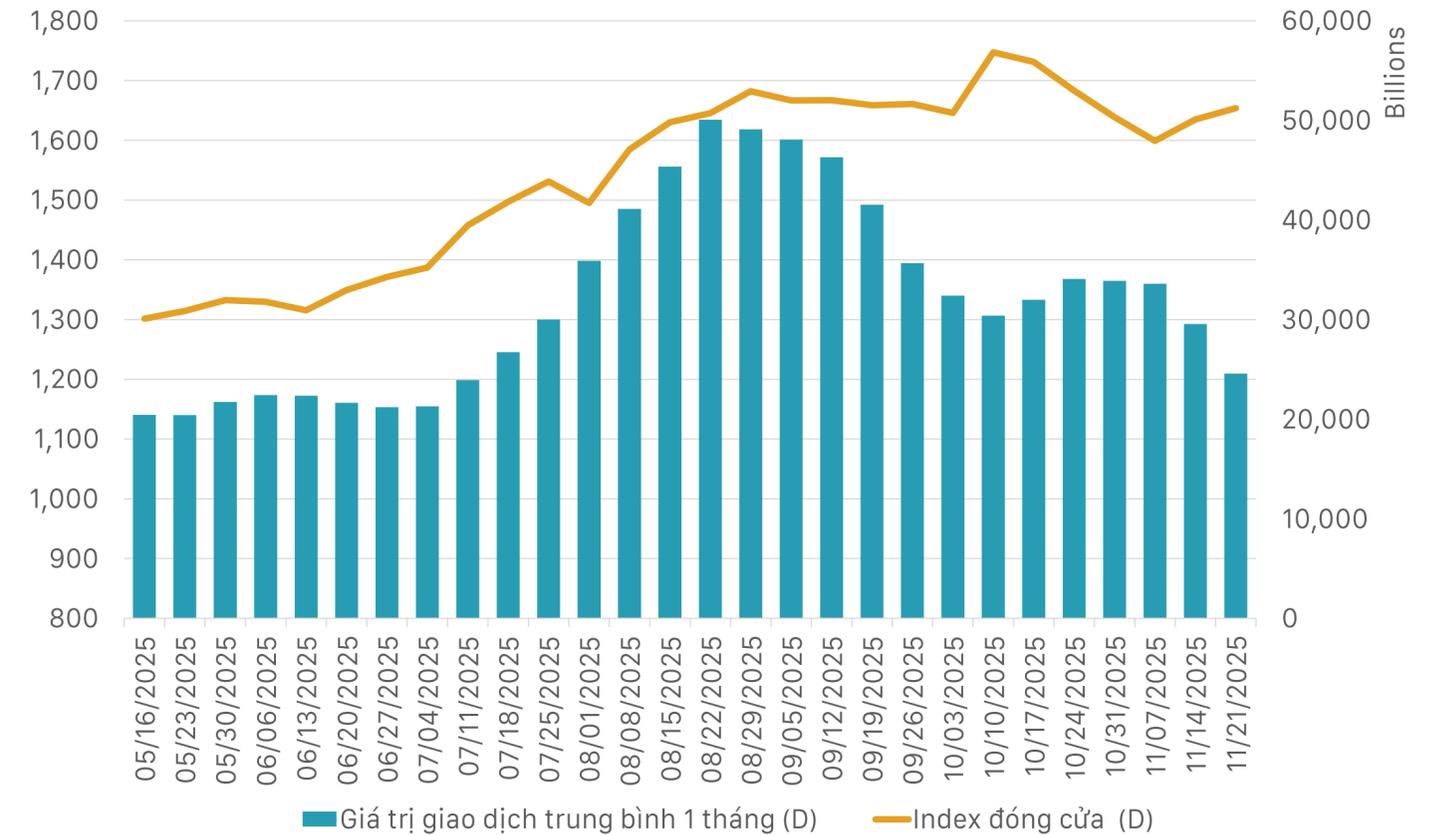
Lãi suất liên ngân hàng biến động mạnh nhưng vẫn đang được tích cực kiểm soát



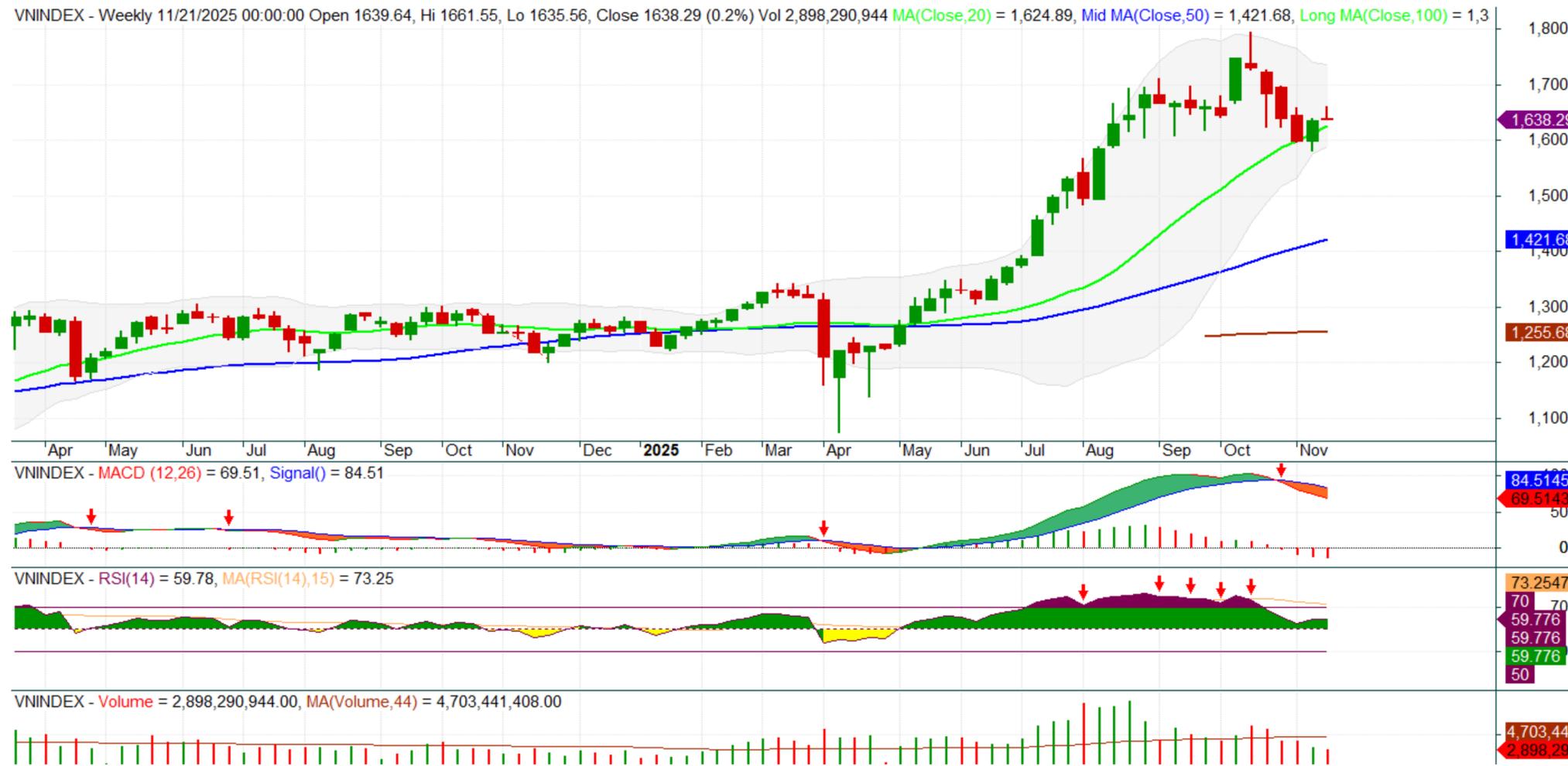
Đồ thị ngày VN-Index



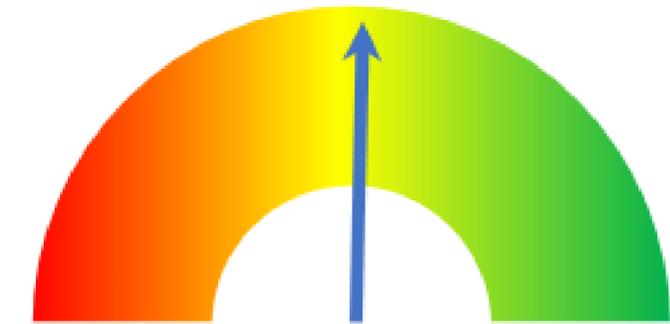
Thanh khoản đạt đỉnh cao nhất



- Trong tuần qua, thị trường Việt Nam duy trì đà tích lũy tích cực sau nhịp phục hồi mạnh mẽ từ cuối tháng 10, với VN-Index đóng cửa ở mức 1.654 điểm, tăng 1,19% so với tuần trước, trong khi HNX-Index giảm nhẹ 1,67% xuống 263,13 điểm. Dòng tiền nội địa thận trọng và sụt giảm mạnh, thanh khoản bình quân chỉ khoảng 18.000-20.000 tỷ đồng/phiên, tập trung vào một số nhóm trụ cột, giúp chỉ số vượt qua đường MA20 (khoảng 1.645 điểm) và test hỗ trợ Bollinger Bands trung tâm. Áp lực bán từ khối ngoại và tự doanh vẫn hiện hữu, nhưng lực cầu lan tỏa từ các bluechips đã đẩy VN-Index thoát giằng co, hướng tới kháng cự 1.670-1.700 điểm nếu vượt MA50.
- Các cổ phiếu đáng chú ý nổi bật với nhóm Vingroup dẫn dắt, VIC tăng hơn 3% và đóng góp chính vào đà tăng của chỉ số, theo sau là nhóm VietJet HDB, VJC tăng trở lại tăng 2-4%. Bất động sản công nghiệp KBC, GVR, IDC, SIP có dấu hiệu dòng tiền vào trở lại trên kỳ vọng thương mại Việt-Mỹ; công nghệ FPT và bán lẻ MWG cũng hút dòng tiền mạnh.



Mức độ hưng phấn thị trường



RSI	51.46
MACD	-0.18
MFI	46.13
MA20	1642
MA50	1668
MA200	1456

- Chỉ báo tuần có ngọn nến phục hồi thứ hai liên tiếp sau 4 tuần điều chỉnh tuy nhiên ngọn nến tuần vừa qua khá nhỏ và không biến động đáng kể cho thấy thị trường đang ở giai đoạn trung tính và duy trì đi ngang tích lũy. Chỉ báo ngắn hạn của MACD đã cho tín hiệu đảo chiều và đang chuyển sang vị thế tăng dần trong khi RSI đã tiệm cận ngưỡng 50 và sắp vượt qua.
- Thị trường vẫn trong giai đoạn thiếu thông hỗ trợ. Dù thanh khoản thị trường khá thấp nhưng không quá bi quan. Nhiều nhóm ngành hiện tại vẫn trong trạng thái điều chỉnh và đi ngang. Chỉ một số cổ phiếu giữ trạng thái thu hút dòng tiền tốt và tăng trưởng như nhóm Vingroup và một số cổ phiếu riêng lẻ. Chỉ số Vnindex có nhiều cơ hội xây nền giá mới trên 1650 và hướng đến 1670 trong tuần sau.

PE thị trường hiện quanh 15 thấp hơn giai đoạn 2022



Diễn biến Vnindex qua các tháng 11.12 từ 2014



- P/E thị trường Việt Nam đã giảm từ mức khoảng 16 xuống dưới 14 lần. Ở mức định giá hiện tại, thị trường đang dần trở nên hấp dẫn hơn. Mức P/E thấp nhất gần đây từng chạm vùng 12 vào đầu năm 2025; trong kịch bản thận trọng, chỉ số này nhiều khả năng sẽ tiếp tục dao động quanh mức 13–14 trong tháng 11. Tháng 11 trong nhiều năm qua thường ghi nhận diễn biến tích cực, điển hình là các năm 2017, 2018, 2020 và gần nhất là 2023 khi VN-Index tăng khoảng 6%.
- Mẫu hình quen thuộc là thị trường thường suy yếu trong giai đoạn tháng 9–10 trước khi bắt đầu hồi phục từ tháng 11 trở đi. Năm nay, nhịp hồi phục có phần chậm hơn do đà tăng đã kéo dài khá mạnh trong nửa đầu năm. Trong kịch bản tích cực, việc VN-Index giữ vững được vùng hỗ trợ quanh 1.650 điểm trong tháng 11 sẽ là tín hiệu quan trọng, báo hiệu thị trường có thể đã hoàn thành nhịp điều chỉnh và sẵn sàng bước vào giai đoạn đảo chiều tăng mới.

- Trong tuần qua **nhóm FPT và Viettel** không biến động nhiều và gần như đi ngang ở các nhóm cổ phiếu. FPT có dấu hiệu tích cực hơn ở phiên cuối tuần trong khi nhóm cổ phiếu Viettel tiếp tục điều chỉnh sâu hơn ở VGI, CTR.
- Nhóm **Vingroup** duy trì đà tăng chậm nhưng chắc chắn đặc biệt là ở VIC trong khi VHM, VRE mức tăng chậm hơn nhưng 2 cổ phiếu này đang tạo đáy. Nhóm Gelex có GEX, GEE đi ngang trong khi VIX vẫn đang giảm sâu hơn.

Giá trung bình nhóm FPT, Gelex, Viettel, Vingroup



- Nhóm Ngân hàng** giữ mức đi ngang và phân hóa. Các cổ phiếu SHB, STB, HDB có mức phục hồi khá nhất trong ngành. Phần còn lại vẫn giữ trạng thái tích lũy.
- Nhóm BĐS** và **BDS khu công nghiệp** đều giảm trở lại sau 1 tuần tăng mạnh trước đó. Một vài cổ phiếu giữ giá tốt như NVL, HDG, GVR
- Nhóm chứng khoán** tiếp tục giảm sâu hơn đặc biệt là ở nhóm cổ phiếu lớn CTS, VCI, VIX có mức giảm trên 5% trong tuần.

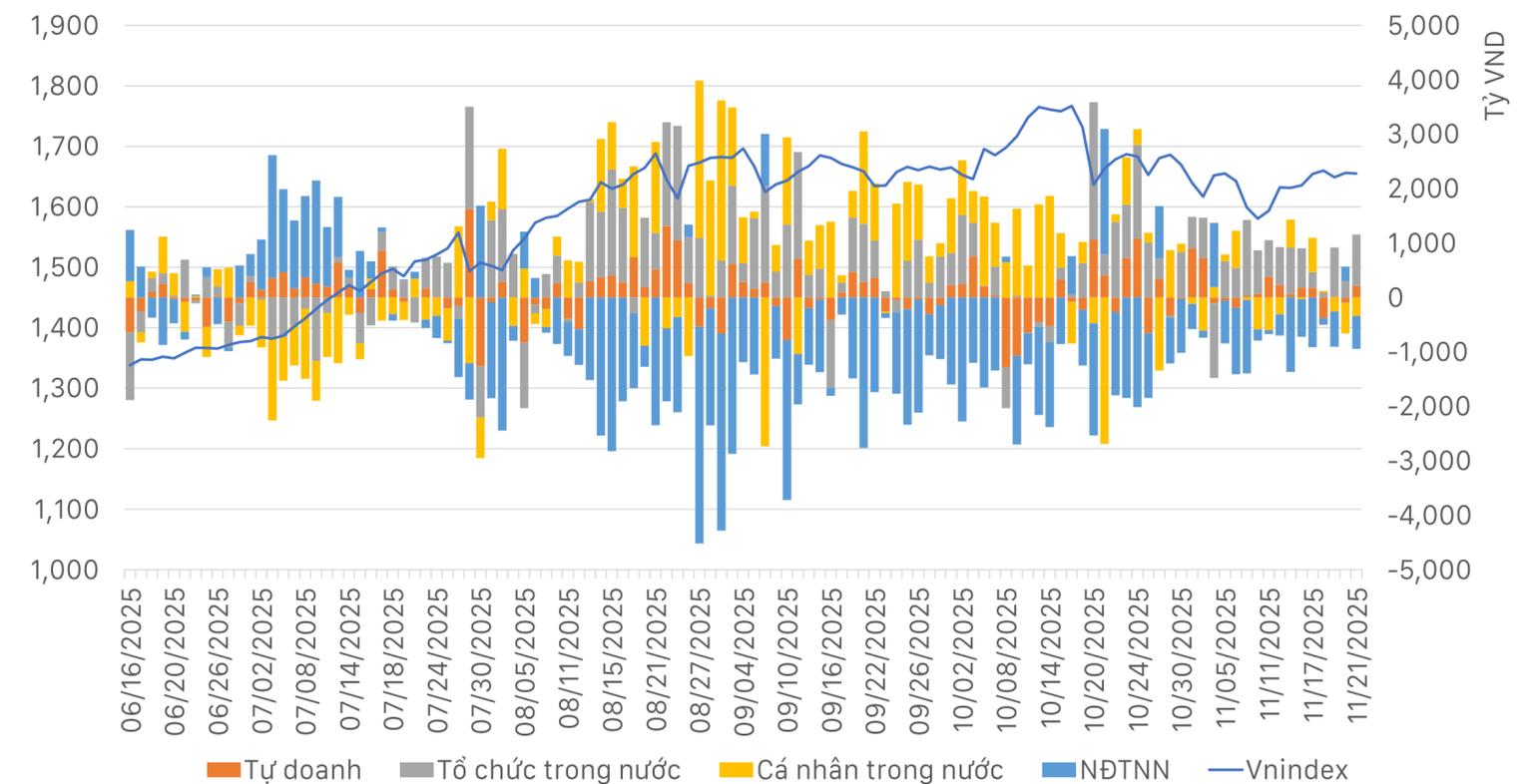
Giá trung bình nhóm Bank, BĐS, Chứng khoán, Khu công nghiệp



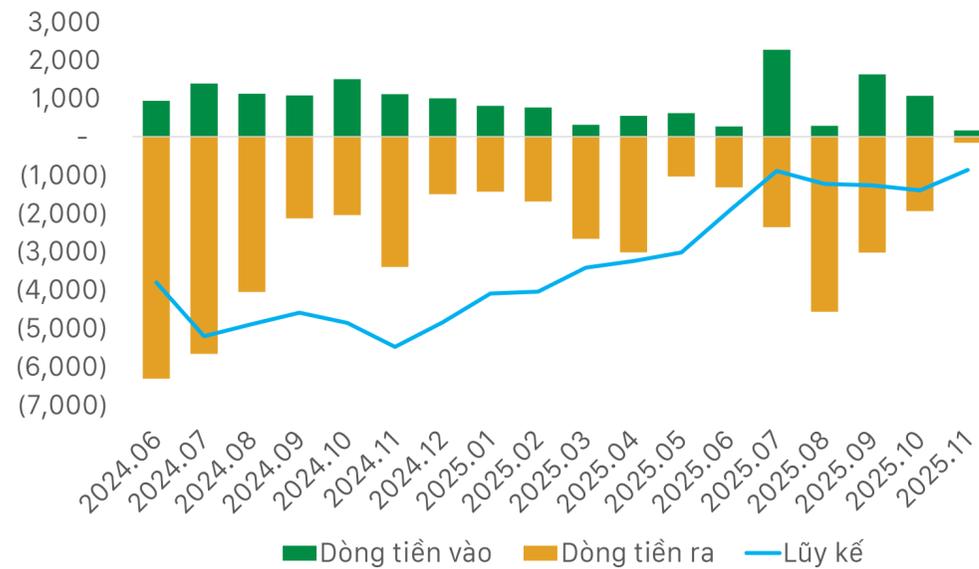
Chỉ số / Ngành	Index	P/E	% 1 tuần	% 1 tháng
VNINDEX	1,654.93	14.43	1.2%	-0.5%
Ngân hàng	732.57	9.89	0.0%	-2.9%
Dịch vụ tài chính	946.53	15.92	-1.6%	-9.0%
Bất động sản	918.74	26.80	4.8%	2.6%
Hóa chất	273.11	14.21	-1.4%	8.2%
Tài nguyên Cơ bản	468.12	17.24	0.5%	-0.8%
Ô tô và phụ tùng	377.33	7.15	-3.3%	8.1%
Bán lẻ	1,523.99	20.12	-0.7%	-0.5%
Hàng cá nhân & Gia dụng	153.51	10.07	-1.1%	3.4%
Viễn thông	959.43	21.70	-7.9%	5.0%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	6,088.71	13.55	-0.1%	6.2%
Dầu khí	91.60	20.13	-2.0%	3.4%
Thực phẩm và đồ uống	1,040.92	20.17	-1.5%	13.9%
Xây dựng và Vật liệu	356.94	9.64	0.2%	1.6%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	371.66	14.47	-2.8%	-5.7%
Y tế	1,020.72	17.62	-0.9%	1.7%
Công nghệ Thông tin	835.08	18.79	0.8%	8.6%
Truyền thông	664.19	73.33	-0.9%	-2.1%
Bảo hiểm	380.01	13.26	-1.3%	15.9%
Du lịch và Giải trí	44.27	21.52	4.8%	-0.7%

- Dù tổng kết tuần chỉ số Vnindex xanh nhẹ nhưng hầu hết các nhóm ngành đều giảm. Chỉ có vài nhóm ngành như BDS, tài nguyên cơ bản, công nghệ thông tin có mức tăng nhẹ so với tuần trước.
- Nhóm dầu khí nằm trong nhóm giảm sâu nhất sau khi có nhịp tăng mạnh 2 tuần trước.
- Nhóm cổ phiếu BĐS khá nổi bật khi vận động khá mạnh ở nhóm cổ phiếu tầm trung và nhỏ như CII, SCR, NTL.
- Các cổ phiếu giao dịch nổi bật nhất vẫn là VIC, HAG, SHB, FPT

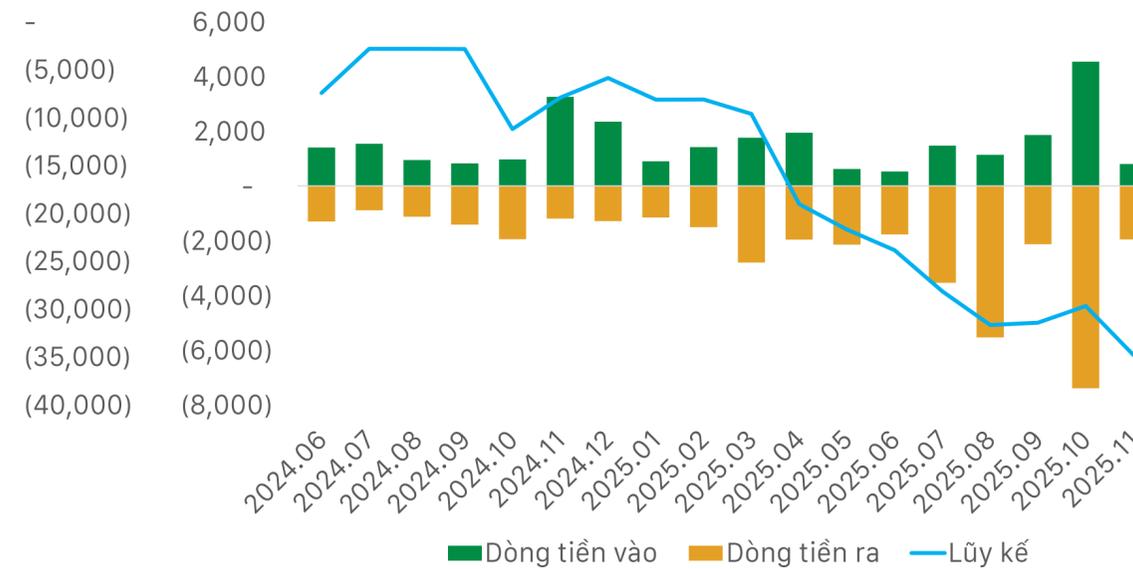
Cơ cấu khớp lệnh theo nhóm nhà đầu tư



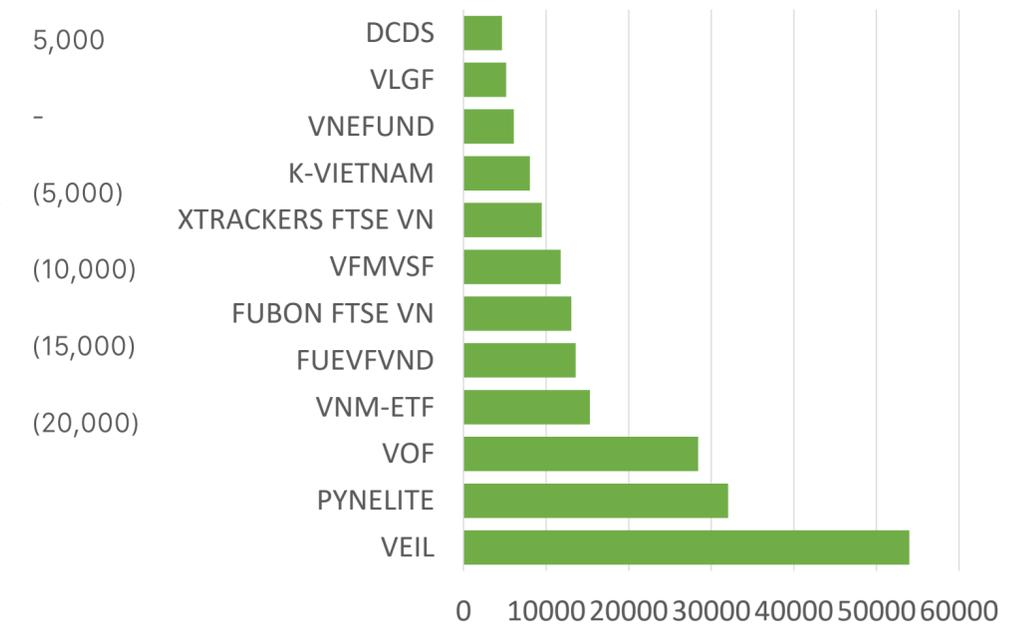
Dòng tiền của quỹ ETF (tỷ VND)



Dòng tiền của quỹ chủ động (tỷ VND)



Top 10 tài sản ròng (tỷ VND)

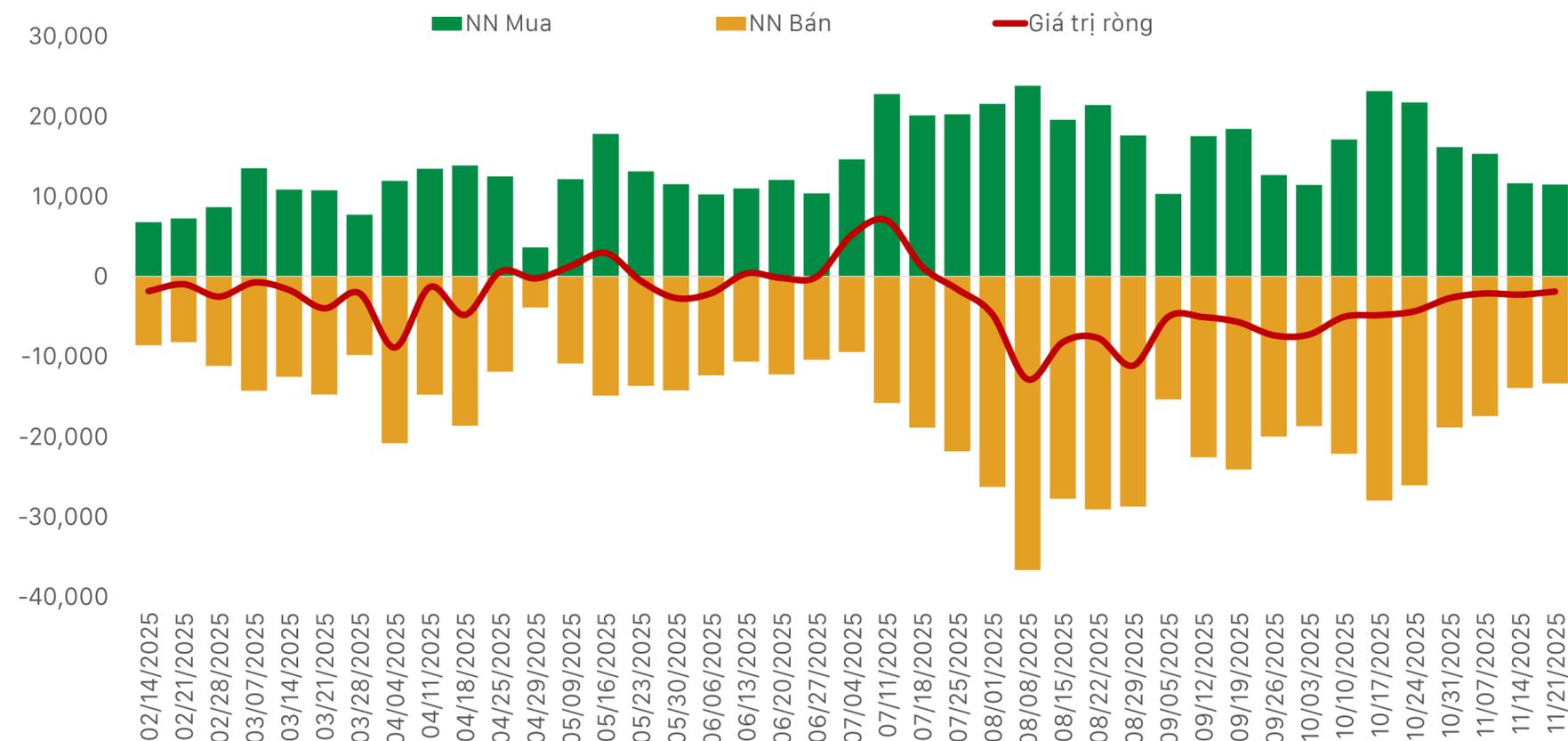


- Trong tháng 11, dòng vốn vào các quỹ tương hỗ và ETF tiếp tục duy trì trạng thái tích cực, dù khẩu vị rủi ro của nhà đầu tư suy giảm bởi biến động chính sách Mỹ, căng thẳng địa chính trị và lo ngại xoay quanh các lĩnh vực tài chính ít được giám sát. Nhóm Bond Funds thu hút hơn 17 tỷ USD, tiến gần mốc kỷ lục năm thứ hai liên tiếp; Equity Funds nhận 14,1 tỷ USD; trong khi Alternative Funds ghi nhận mức vào ròng lớn thứ ba trong hơn hai thập kỷ.
- Tại nhóm thị trường mới nổi, Emerging Markets Equity Funds chấm dứt chuỗi chín tuần hút vốn do dòng tiền vào China Funds chững lại khi nhà đầu tư chờ đợi các cuộc họp chính sách quan trọng của Trung Quốc và APEC. Riêng China State-Owned Enterprises Funds trở thành điểm sáng, ghi nhận mức vào ròng mạnh nhất kể từ tháng 2. Korea và Taiwan Equity Funds duy trì mức vào ròng khiêm tốn, trong khi Thailand và Vietnam Equity Funds chịu áp lực rút vốn. Đối với India Equity Funds, tỷ trọng công nghệ thông tin được giảm nhẹ, song triển vọng chung vẫn tích cực nhờ kỳ vọng nhu cầu tiêu dùng nội địa tăng theo mùa vụ và các biện pháp hỗ trợ thuế.
- Tháng 11/2025, các quỹ ETF tại Việt Nam ghi nhận rút ròng hơn 12 tỷ đồng, nâng tổng giá trị rút ròng từ đầu năm lên gần 15,6 nghìn tỷ đồng. Tính đến giữa tháng 11, tổng tài sản ròng của các quỹ ETF (chỉ tính phần phân bổ vào thị trường Việt Nam) đạt hơn 61,8 nghìn tỷ đồng, tăng 8,2% so với cuối năm 2024.

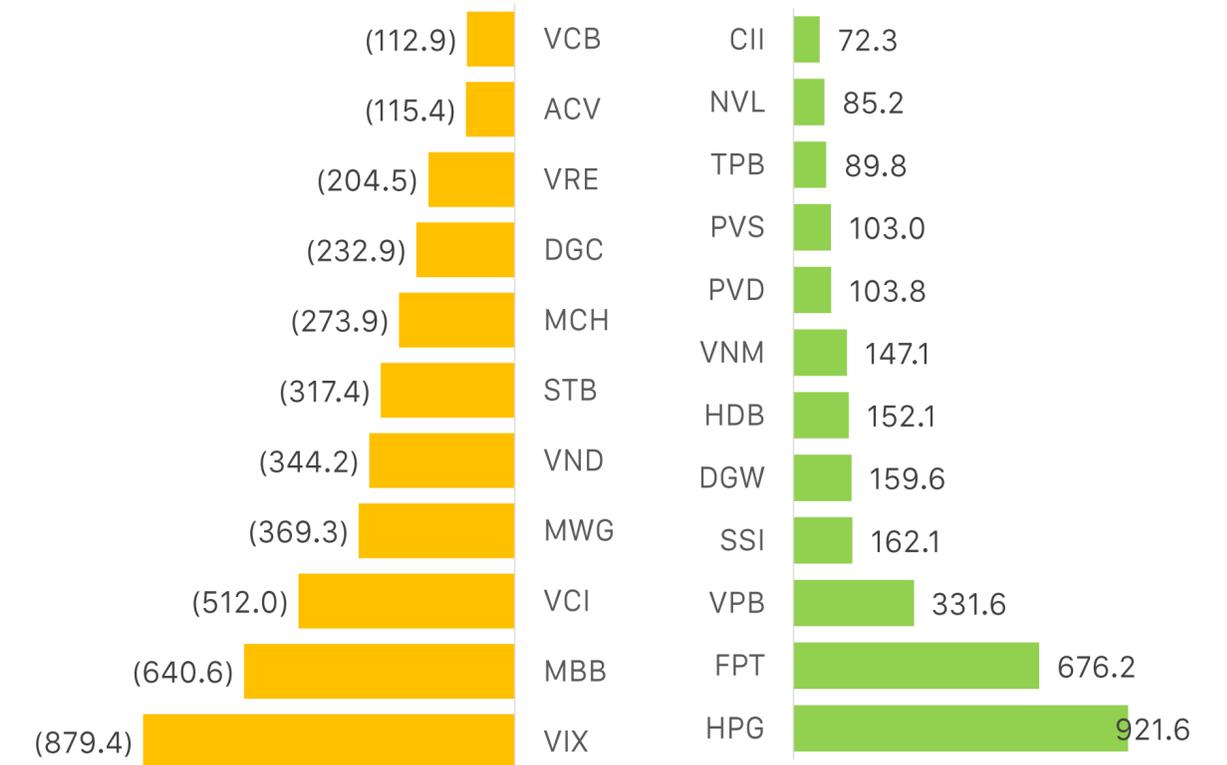
KHỐI NGOẠI GIA TĂNG GIAO DỊCH VÀ BÁN RÒNG NHIỀU HƠN



Giá trị mua bán khối ngoại theo tuần (tỷ VND)



Top CP khối ngoại mua bán ròng trong tuần (tỷ VND)

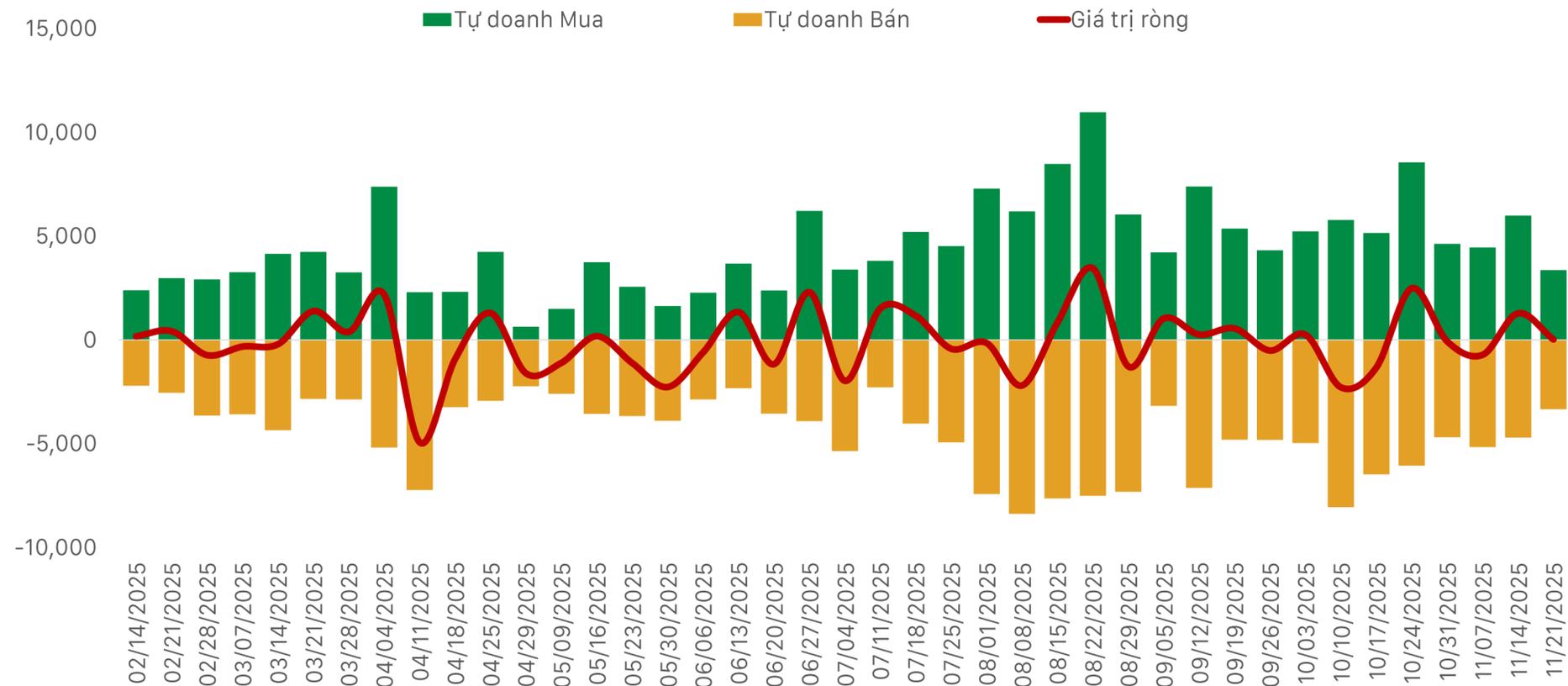


- Khối ngoại giao dịch cả hai chiều gần như tương tự tuần trước với giá trị mua vào còn 11,474 tỷ (so 11,638 tỷ tuần trước) trong khi giá trị bán ra vẫn ở mức khá cao gần 13,371 tỷ. Tính chung trong tuần qua khối ngoại bán ròng gần 2 ngàn tỷ. Xu hướng bán ròng của khối ngoại đang có xu hướng giảm dần qua các tuần.
- Trong tuần qua nhóm cổ phiếu bán ròng nhiều nhất chủ yếu ở nhóm chứng khoán với VIX dẫn đầu bán ròng gần 900 tỷ, VCI đứng thứ 3 giá trị bán ròng khoảng 512 tỷ. Nhóm ngân hàng cũng bán ròng khá lớn ở các cổ phiếu MBB, STB, VCB.
- Phía mua ròng ghi nhận HPG mua ròng nhiều nhất hơn 900 tỷ cùng với FPT hơn 676 tỷ. Một số cổ phiếu mua ròng cũng đáng chú ý như VPB, SSI, DGW. VNM tiếp tục được mua ròng thêm 147 tỷ.

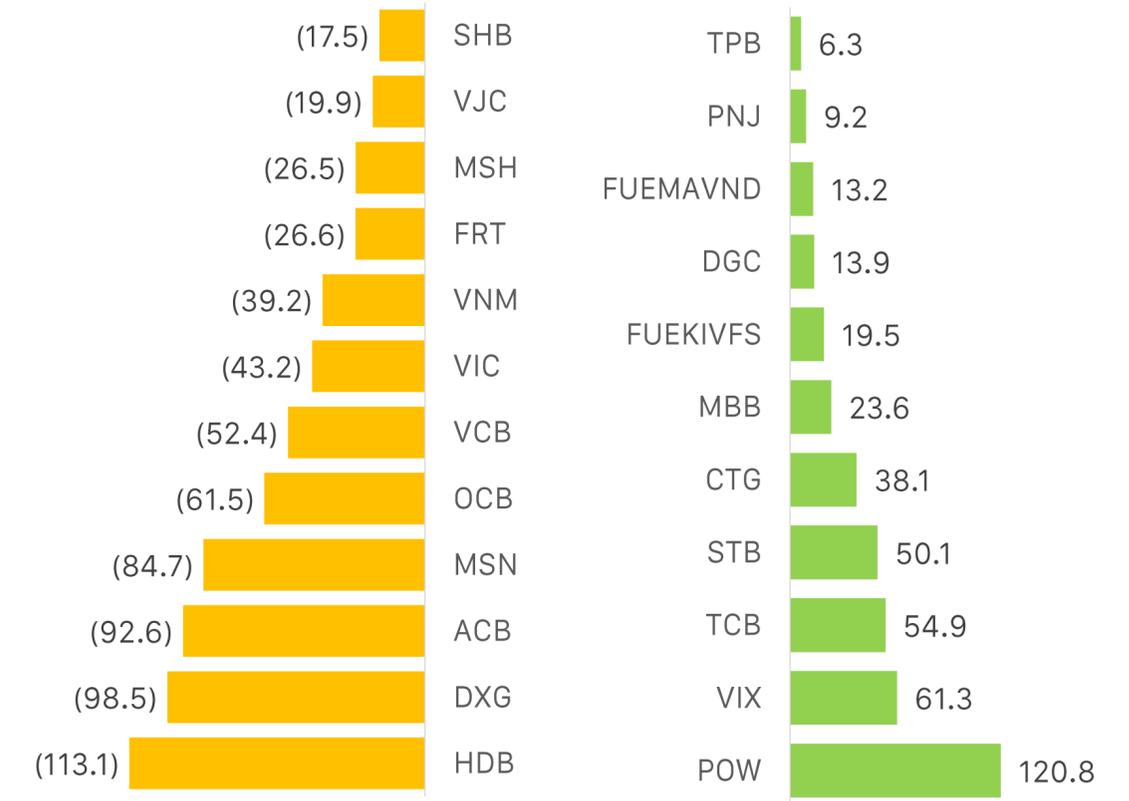
TỰ DOANH MUA BÁN BIẾN ĐỘNG MẠNH



Giá trị mua bán Tự Doanh theo tuần (tỷ VND)



Top CP tự doanh mua bán ròng trong tuần (tỷ VND)



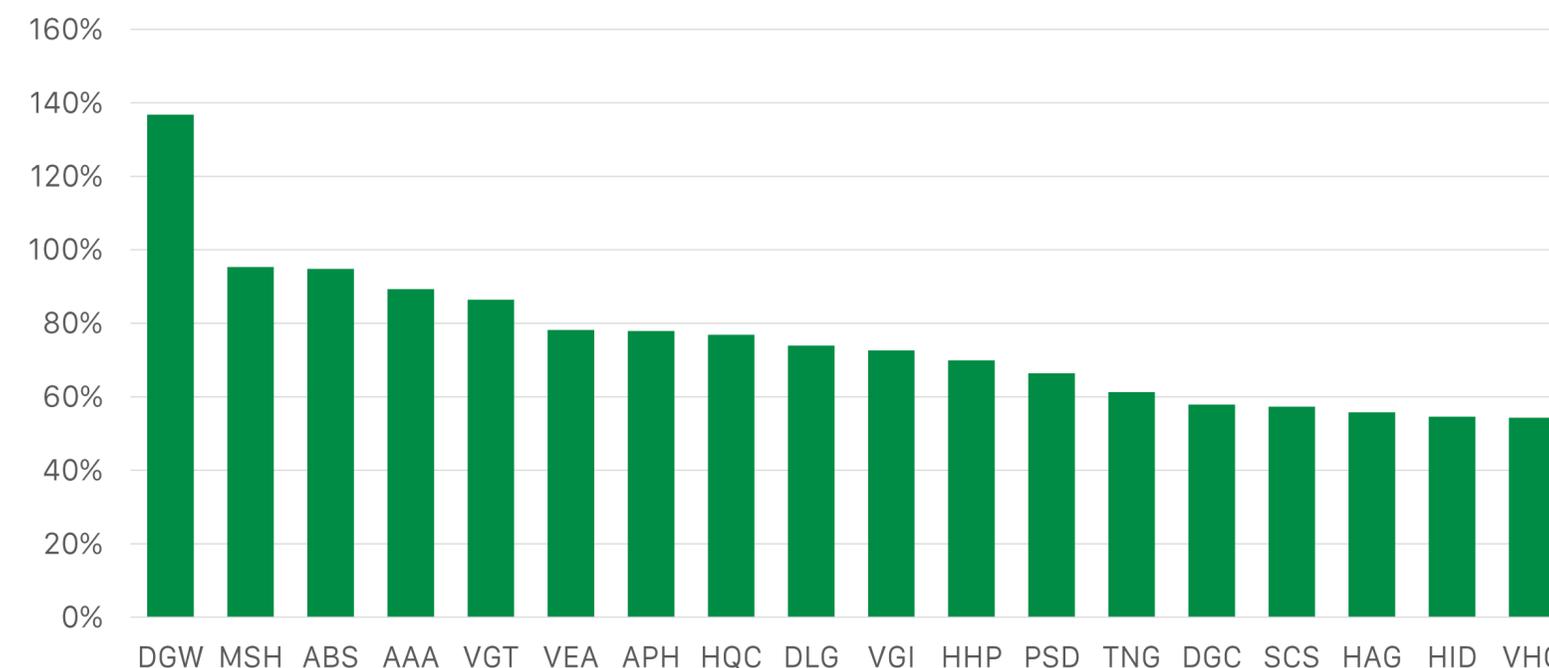
- Tự doanh giảm mạnh cả hai chiều mua bán trong tuần với giá trị mua vào giảm gần ½ còn 3,360 tỷ đồng so với gần 6,000 tỷ tuần trước đó. Phía bán ra khoảng 3,339 tỷ đồng. Giá trị mua bán tuần này gần như cân bằng.
- Phía bán ròng có nhóm ngân hàng bị bán ra khá nhiều ở HDB, ACB, OCB, VCB, SHB. Một số cổ phiếu cũng bán ròng đáng chú ý như MSN, VIC, VNM, FRT, VJC. Như vậy tự doanh bán ra VNM trong khi khối ngoại mua ròng mã này.
- Phía mua ròng ghi nhận POW mua nhiều nhất 120 tỷ, VIX mua ròng 61 tỷ. Một số ngân hàng mua ròng có TCB, STB, CTG, MBB. Động thái này cũng ngược với khối ngoại khi khối này bán ròng STB, MBB.

Tỷ trọng phân bố dòng tiền

Phân ngành	Tỷ trọng dòng tiền	Cổ phiếu có dòng tiền vào mạnh	Sức mạnh dòng tiền
Ngân hàng	25.5%	STB, MBB, SHB, VPB, TCB	
Dịch vụ tài chính	17.5%	SSI, VCI, FTS, HCM, VIX, VND	
Bất động sản	16.5%	DIG, PDR, NLG, NVL	
Hóa chất	3.8%	DPM, DCM, GVR	
Tài nguyên Cơ bản	4.1%	HPG, HSG, NKG	
Ô tô và phụ tùng	6.2%	HHS, HUT	
Bán lẻ	5.1%	MWG, DGW, PET	
Hàng cá nhân & Gia dụng	4.6%	TCM, TNG, PNJ	
Viễn thông	2.8%	VGI	
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	4.2%	POW, GEG, REE	
Dầu khí	1.3%	PVD, PVS	
Thực phẩm và đồ uống	2.6%	DBC, MSN, HAG, BAF	
Xây dựng và Vật liệu	0.4%	CII, HHV, VCG	
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	0.5%	GEX, VSC, HAH, VTP, GMD	
Y tế	2.3%	DCL, DBD	
Công nghệ Thông tin	0.4%	FPT, CMG, ELC	
Truyền thông	0.1%	YEG	
Bảo hiểm	1.9%	BVH	
Du lịch và Giải trí	0.2%	HVN	

- Dòng tiền giao dịch nhóm ngân hàng nhiều nhất và chiếm tỷ lệ vượt lên với khoảng 25% toàn thị trường.
- Nhóm bất động sản và chứng khoán gia tăng giao dịch trở lại nhưng có thể là hiện tượng bán ra ở nhóm chứng khoán trong khi nhóm BDS đang ghi nhận dòng tiền gia tăng trở lại.
- Một số cổ phiếu gia dịch gia tăng mạnh so với tuần trước đáng chú ý có DGW, MSH, ABS, AAA, VGI, DGC.

Cổ phiếu có dòng tiền vào gia tăng



CHIẾN LƯỢC & CƠ HỘI ĐẦU TƯ NỔI BẬT



Thị trường đang trong giai đoạn điều chỉnh và khả năng kịch bản xấu nhất Vnindex có thể thoái lui về quanh vùng 1500- 1550. Các nhóm cổ phiếu chứng khoán, BĐS hiện vẫn là những nhóm ngành rơi nhiều nhất. Mức độ phân hóa thị trường có thể gia tăng trong tuần sau.

Danh mục cổ phiếu quan tâm:

Ngân hàng: OCB, MBB

Bán lẻ, thực phẩm: MWG, HAG

STT	CP	Giá mục tiêu	Lợi suất kỳ vọng (%)	EPS	PE	Điểm nhấn đầu tư
1	OCB	15,000	23%	1,460	8.32	<ul style="list-style-type: none"> Lợi nhuận trước thuế của OCB quý III ghi nhận mức 1.538 tỷ đồng, tăng gấp 3 lần so với cùng kỳ. Lũy kế 9 tháng lợi nhuận đạt 3.431 tỷ đồng, tăng 34,4% so với 9 tháng năm 2024. Thu thuần từ lãi tăng mạnh đến 17,4% so với cùng kỳ năm trước, đạt 2.424 tỷ đồng nhờ vào việc tăng trưởng quy mô tín dụng Tăng trưởng tín dụng tăng 24% so với đầu năm, tập trung bán lẻ và SME, hỗ trợ tăng trưởng bền vững theo chiến lược tái cơ cấu. Tỷ lệ CASA tăng từ mức 14,9% ở cuối năm 2024 lên 16% vào cuối quý III/2025, góp phần tiết giảm chi phí vốn huy động.
2	MBB	28,000	20%	3,020	7.72	<ul style="list-style-type: none"> Dư nợ tín dụng và đầu tư trái phiếu tổ chức kinh tế đạt 962 nghìn tỷ đồng, tăng 18,6%, trong đó dư nợ cho vay khách hàng tăng 20% Lợi nhuận trước thuế 9 tháng đầu năm 2025 đạt 23.139 tỷ đồng, tăng 12% so với cùng kỳ, hoàn thành 73% kế hoạch năm. Tỷ lệ nợ xấu hợp nhất của MB ở mức 1,87%, giảm 0,36% so với cùng kỳ năm 2024. Tỷ lệ bao phủ nợ xấu 80%, cao hơn bình quân toàn ngành. Ngân hàng phục vụ hơn 33,9 triệu khách hàng, ghi nhận hơn 9,6 tỷ giao dịch số trong 9 tháng; doanh thu kênh số chiếm ~ 40% tổng doanh thu hệ thống.
3	MWG	90,000	25%	3,944	19.4	<ul style="list-style-type: none"> MWG đạt doanh thu tăng trưởng cao hơn thị trường chung nhờ mảng điện tử, đặc biệt là điện thoại, laptop và thiết bị gia dụng. BHX mở mới 410 cửa hàng trong 5 tháng, vượt mục tiêu đề ra, doanh thu tăng 19% YoY. MWG đóng cửa một số cửa hàng TGDD và DMX, ưu tiên tối ưu hóa mạng lưới cửa hàng và cải thiện hiệu quả hoạt động. MWG đạt 41% kế hoạch doanh thu năm 2025 và mở rộng thị trường quốc tế tích cực thông qua EraBlue tại Jakarta.
4	HAG	20,000	25%	1,194	13.3	<ul style="list-style-type: none"> HAG đã tái cấu trúc và xử lý nợ hiệu quả, lợi nhuận ổn định đạt 1.000 tỷ đồng năm 2024, quý 1/2025 đạt doanh thu 1.380 tỷ và lợi nhuận 341 tỷ, mục tiêu năm 2025 đạt doanh thu 5.500 tỷ và lợi nhuận sau thuế trên 1.100 tỷ đồng. Triển khai 2.000ha dâu nuôi tằm sản xuất tơ xuất khẩu, 2.000ha cà phê Arabica và thí điểm nuôi 700.000 con cá tầm tại Lào, dự kiến thu hoạch vào tháng 9-10/2025. Khoản vay ngắn hạn hơn 6.000 tỷ đồng, nợ dài hạn 1.435 tỷ đồng, tỷ lệ nợ vay/VCSH giảm từ 180% (2020) xuống còn 77%, lỗ lũy kế giảm mạnh còn khoảng 82,7 tỷ, kỳ vọng xóa hết lỗ lũy kế trong năm 2025.

Thông tin cổ phiếu

Giá mục tiêu	15,000
% tăng giá	23.5%
Vùng giá mua	11,500 - 12,000
Giá dừng lỗ	9,500

Phân tích kỹ thuật

OCB đang trong kênh giảm giá do tác động chung của thị trường và xu hướng giá chung của ngành ngân hàng. Vùng giá thấp nhất trong năm là hỗ trợ mạnh quanh 11.5-12. OCB là cổ phiếu có độ nhạy thấp so với Vnindex và không cùng pha vì vậy khi thị trường chung giảm mạnh, giá OCB có thể giữ giá tốt hơn. Vùng mua thích hợp có thể chờ quanh 11.5 để giải ngân cho mục tiêu dài hạn.

Hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp

- Ngân hàng TMCP Phương Đông (OCB) vừa công bố báo cáo tài chính quý III/2025 với lợi nhuận trước thuế đạt 1.538 tỷ đồng, tăng gấp ba lần so với cùng kỳ, nhờ hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng mạnh mẽ. Lũy kế 9 tháng, lợi nhuận đạt 3.431 tỷ đồng, tăng 34,4% so với năm trước, hoàn thành vượt bậc kế hoạch năm.
- Tổng thu thuần quý III đạt 2.931 tỷ đồng, tăng 27,9%. Thu lãi thuần tăng 17,4% lên 2.424 tỷ đồng nhờ mở rộng tín dụng. Thu ngoài lãi bù đắp 123,1% đạt 507 tỷ đồng, từ dịch vụ ngoại tệ và hoạt động khác, phản ánh chiến lược đa dạng hóa nguồn thu và tái cơ cấu hiệu quả.
- Sự phục hồi kinh tế đã hỗ trợ ngân hàng, với đầu tư công nghệ và quản trị rủi ro. Tỷ lệ giao dịch số đạt 98%, CASA tăng lên 16% từ 14,9% cuối 2024, giúp giảm chi phí vốn.
- Tính đến 30/9/2025, tổng tài sản đạt 315.162 tỷ đồng, hoàn thành 99% kế hoạch. Huy động thị trường 1 tăng 14,3% lên 219.998 tỷ đồng; dư nợ tín dụng tăng 12,4% lên 202.863 tỷ đồng, tập trung bán lẻ và SME (tăng 10,1% quý III). OCB ra mắt sản phẩm vay nhanh cho SME với hạn mức 10 tỷ đồng, phê duyệt trong 8 giờ.
- OCB tiếp tục thúc đẩy kinh doanh bền vững, dư nợ tín dụng xanh tăng 30% so với 2023. Ngân hàng lọt Top 50 công ty kinh doanh hiệu quả nhất Việt Nam 2025, gắn kết kinh doanh với trách nhiệm xã hội. Dự kiến năm 2025, OCB đặt mục tiêu lợi nhuận tăng 33%, tổng tài sản tăng 13% lên 316.779 tỷ đồng.



OCB	2020	2021	2022	2023	2024	2025.9T
Tỉ lệ CASA	11.6%	15.1%	10.6%	11.9%	14.4%	15.5%
CAR (%)	13.0%	12.3%	12.8%	13.3%	12.5%	12.5%
Tăng trưởng tín dụng (%)	25.5%	14.3%	17.1%	22.4%	16.3%	24.2%
EPS (VND)	3,193	3,185	2,562	1,608	1,275	1460
P/B	1.6	1.1	0.8	0.8	0.9	1.0
BVPS (VND)	15,910	15,917	18,448	13,887	12,844	12,260
ROE (%)	24.4%	22.5%	14.9%	12.3%	10.5%	12.0%
NIM (%)	3.9%	3.6%	3.9%	3.3%	3.5%	3.3%
LDR (%)	101.3%	102.2%	115.7%	114.9%	118.1%	124.2%
Tỉ lệ nợ xấu (%)	1.7%	1.3%	2.2%	2.7%	3.2%	3.7%
Dự phòng RR/ Nợ xấu (%)	62.1%	82.7%	59.5%	64.1%	47.1%	40.6%
Vốn CSH/ Tài sản	11.4%	11.8%	13.0%	11.9%	11.3%	10.4%

Thông tin cổ phiếu

Giá mục tiêu	28,000
% tăng giá	20%
Vùng giá mua	21,000 - 22,000
Giá dừng lỗ	19,000

Phân tích kỹ thuật

MBB đang trong xu hướng giảm trung hạn theo xu hướng chung của nhóm cổ phiếu ngân hàng. Từ đầu năm đến nay MBB đã tăng giá trên 70% lên vùng đỉnh cao nhất 30 vì vậy mức độ điều chỉnh là hợp lý. Vùng hỗ trợ MBB quanh 20-21 là đường MA200 dài hạn. Các vị thế tích lũy có thể mở ra khi giá về quanh vùng này. Mục tiêu trung và dài hạn của MBB là 28.

Hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp

- Ngân hàng TMCP Quân đội MBB công bố kết quả kinh doanh hợp nhất 9 tháng đầu năm 2025, ghi nhận tăng trưởng mạnh mẽ về quy mô, hiệu quả và chất lượng tài sản, khẳng định sức bật nội lực giữa thị trường biến động.
- Tổng tài sản đạt 1.329 triệu tỷ đồng, tăng 17,7% so với đầu năm, thuộc nhóm cao nhất hệ thống. Dự nợ tín dụng và đầu tư trái phiếu đạt 962 nghìn tỷ đồng, tăng 18,6%, với dư nợ cho vay khách hàng tăng 20%, SME tăng 18,5%, bán lẻ tăng 15,8%. Doanh thu (TOI) đạt 48.165 tỷ đồng, tăng 24%; thu thuần dịch vụ tăng 40% so với cùng kỳ.
- Tiền gửi khách hàng đạt 788 nghìn tỷ đồng, tăng 10,3%; CASA đạt 292 nghìn tỷ đồng, tăng 27%, dẫn đầu thị trường, giúp tối ưu chi phí vốn. Lợi nhuận trước thuế đạt 23.139 tỷ đồng, tăng 12%, hoàn thành 73% kế hoạch năm. CIR giảm còn 27,9%; nợ xấu 1,87%, bao phủ 80%.
- MB dẫn đầu chuyển đổi số, phục vụ 33,9 triệu khách hàng, 9,6 tỷ giao dịch số; doanh thu kênh số chiếm 40%. Mới đây, MB tổ chức diễn đàn MB Economic Insights 2025, quy tụ 400 doanh nghiệp xuất nhập khẩu, chia sẻ giải pháp kinh tế toàn diện. Dự kiến tăng trưởng tín dụng cả năm 25-30%, chủ động mua lại 212 tỷ trái phiếu. MB cam kết phát triển bền vững, hướng tới ngân hàng xanh, đồng hành doanh nghiệp và cộng đồng.



MBB	2020	2021	2022	2023	2024	2025.9T
Tỉ lệ CASA	37.0%	44.6%	37.6%	38.1%	38.0%	35.9%
CAR (%)	10.4%	11.3%	11.5%	10.8%	11.8%	11.8%
Tăng trưởng tín dụng (%)	18.9%	20.7%	26.4%	33.7%	27.6%	32.8%
EPS (VND)	2,756	3,146	3,856	3,966	3,931	692
P/B	1.7	1.2	1.3	1.3	1.1	1.5
BVPS (VND)	17,117	15,768	16,751	17,786	21,135	15,822
ROE (%)	19.2%	23.6%	25.8%	24.5%	22.1%	20.2%
NIM (%)	4.7%	5.0%	5.7%	4.8%	4.1%	4.0%
LDR (%)	94.5%	92.2%	101.1%	105.6%	107.1%	116.5%
Tỉ lệ nợ xấu (%)	1.1%	0.9%	1.1%	1.6%	1.6%	1.9%
Dự phòng RR/ Nợ xấu (%)	134.1%	268.0%	238.0%	117.0%	92.2%	79.2%
Vốn CSH/ Tài sản	10.1%	10.3%	10.9%	10.2%	10.4%	10.0%

Thông tin cổ phiếu

Giá mục tiêu	90,000
% tăng giá	13.1%
Vùng giá mua	64,000 – 66,000
Giá dừng lỗ	59,000

Phân tích kỹ thuật

MWG đang suy giảm từ vùng đỉnh cao 80 xuống gần 70 theo áp lực chung của thị trường. Vùng hỗ trợ mạnh MWG quanh 66-70 nơi hội tụ nhiều lực mua lớn trước đây.

Các vị thế mua mới có thể mở khi MWG rơi xuống gần vùng giá 70. MWG đang là công ty đang tăng trưởng vì vậy giá sẽ hồi phục và tăng trưởng sau giai đoạn điều chỉnh. Mục tiêu từ 3-6 tháng tới quanh vùng giá 90.

Hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp

CTCP Đầu tư Thế Giới Di Động (MWG - HoSE) công bố báo cáo tài chính hợp nhất quý III/2025 với doanh thu thuần hơn 39.850 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế 1.783 tỷ đồng, tăng 17% và 120% so với cùng kỳ - mức cao nhất lịch sử. Lũy kế 9 tháng, doanh thu đạt 113.600 tỷ đồng, tăng 14%; lợi nhuận sau thuế xấp xỉ 5.000 tỷ đồng, tăng 72%, vượt kế hoạch năm.

Chuỗi Thế Giới Di Động và Điện Máy Xanh đóng góp 76.500 tỷ đồng, tăng hai chữ số dù tinh gọn cửa hàng. Bách Hóa Xanh ghi nhận 34.400 tỷ đồng, nhờ mở thêm 520 cửa hàng, tập trung miền Trung và cải thiện hàng tươi sống, tiêu dùng nhanh.

Doanh thu tài chính đạt 2.270 tỷ đồng, gấp ba lần cùng kỳ từ lãi tiền gửi và đầu tư ngắn hạn. Tổng tài sản cuối quý III đạt 80.300 tỷ đồng, tăng 10.000 tỷ so đầu năm; tiền gửi và trái phiếu 38.400 tỷ đồng.

MWG vận hành 5.880 cửa hàng, bao gồm 2.290 Bách Hóa Xanh, An Khang và 144 cửa hàng Indonesia; nhân sự giảm còn 61.201 người.

Mới đây, MWG tách An Khang và AvaKids thành hai công ty con vốn 2.700 tỷ đồng (2.200 tỷ cho An Khang, 500 tỷ cho AvaKids) để chuyên biệt hóa hoạt động.

Chuỗi EraBlue đã chính thức về đích sớm ngay trong tháng 10 – vượt mốc 150 cửa hàng và vượt kế hoạch lợi nhuận 18 tỷ Rp đặt ra trong năm 2025. Đây là kết quả đáng khích lệ với MWG tạo đà bứt phá cho năm 2026 và chu kỳ tăng trưởng 2026–2030 của MWG

Công ty cũng lên kế hoạch mua lại 10 triệu cổ phiếu quỹ, chi tối đa 2.000 tỷ đồng. Kế hoạch mở rộng Bách Hóa Xanh: tiến ra miền Bắc năm 2026, mở mới 1.000 cửa hàng/năm.



MWG	2020	2021	2022	2023	2024	2025.9T
Doanh thu (tỷ VND)	108,546	122,958	133,405	118,280	134,341	113,607
Lợi nhuận (tỷ VND)	3,918	4,899	4,100	168	3,722	4,989
Lợi Nhuận Gộp (tỷ VND)	23,954	27,632	30,862	22,521	27,499	22,247
Chi phí lãi vay (tỷ VND)	(594)	(674)	(1,362)	(1,448)	(1,137)	(1,086)
KLCP DLH (triệu CP)	453	713	1,464	1,463	1,462	1,480
VCSH (tỷ VND)	15,482	20,378	23,933	23,360	28,122	31,797
Tổng Tài Sản (tỷ VND)	46,031	62,971	55,834	60,111	70,438	80,288
Book Value	34,160	28,578	16,349	15,963	19,232	21,489
EPS	8,644	6,870	2,801	115	2,545	3,944
ROE	25.3%	24.0%	17.1%	0.7%	13.2%	13.7%
Vay Ngắn Hạn (tỷ VND)	15,625	24,647	10,688	19,129	27,300	28,706
Vay Dài Hạn (tỷ VND)	1,127	-	5,901	5,985	-	-
Tổng Nợ vay (tỷ VND)	16,752	24,647	16,589	25,114	27,300	28,706
Nợ Vay/VCSH	108.2%	120.9%	69.3%	107.5%	97.1%	90.3%

Thông tin cổ phiếu

Giá mục tiêu	20,000
% tăng giá	12.4%
Vùng giá mua	15,000 - 15,500
Giá dừng lỗ	13,000

Phân tích kỹ thuật

HAG vừa vượt qua khỏi vùng giá tích lũy 13-14 và tạo vùng đỉnh mới gần 15. Đây là mục tiêu ngắn hạn mà chúng tôi thiết lập trước đó. Các chỉ báo kỹ thuật vẫn trong trạng thái tích cực với RSI trên 50. MACD đã hoàn thành giai đoạn tích lũy và hình thành đợt tăng mới. Động lực của HAG hiện vẫn mạnh và chưa thấy tín hiệu đảo chiều. Chúng tôi nâng mục tiêu của HAG lên vùng giá 18 và có thể hướng đến 20 từ 1 đến 3 tháng tới.

Hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp

- HAG đã có thời gian tái cấu trúc và xử lý nợ hiệu quả trong thời gian qua. Hoạt động kinh doanh đang dần có dấu hiệu khởi sắc với lợi nhuận năm 2024 tiếp tục duy trì lên 1000 tỷ đồng. 9 tháng.2025 HAG đạt doanh thu 5,603 tỷ đồng và lợi nhuận 1312 tỷ- tăng 30% so với cùng kỳ. Năm 2025, HAG đặt mục tiêu doanh thu 5,500 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế hơn 1,100 tỷ đồng, tăng nhẹ so với năm trước. HAGL cũng đang đẩy mạnh đầu tư vào các lĩnh vực mới, bao gồm trồng 2.000ha dâu nuôi tằm để sản xuất tơ xuất khẩu và 2.000ha cà phê Arabica. Song song đó, dự án nuôi cá tằm đang được thí điểm tại Lào với 700.000 con giống, dự kiến cho thu hoạch lứa đầu vào tháng 9 - 10 năm nay.
- Vừa qua các cổ đông lớn của HAG đã có những động thái mới đáng chú ý. Chủ tịch HĐQT Đoàn Nguyên Đức (bầu Đức) đã hoàn tất mua vào 10 triệu cổ phiếu HAG trong phiên 19/6 vừa qua theo hình thức thỏa thuận. Sau thương vụ, bầu Đức sở hữu 330 triệu cổ phiếu HAG, nâng tỷ lệ nắm giữ từ 30,26% lên 31,2% cổ phần. 2 Thành viên HĐQT cũng đăng ký mua vào 1 triệu cổ phiếu từ ngày 23/6 - 22/7.
- Theo chỉ tiêu kế hoạch đầu tư đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, công ty sẽ trồng 2.000 ha cà phê giống Arabica trong năm 2025. Sau khi đã triển khai trồng thực tế đủ 2.000 ha này, Hoàng Anh Gia Lai quyết định đầu tư thêm 1.000 ha cà phê giống Arabica trong năm 2025, nâng tổng diện tích lên 3.000 ha. Hoàng Anh Gia Lai muốn niêm yết Công ty TNHH Hưng Thắng Lợi Gia Lai trong năm 2026 và niêm yết Công ty cổ phần Gia Súc Lơ Pang trong năm 2027.



HAG	2020	2021	2022	2023	2024	2025.9T
Doanh thu (tỷ VND)	3,177	2,097	5,111	6,932	5,783	5,603
Lợi nhuận (tỷ VND)	(1,256)	203	1,129	1,709	1,013	1,312
Lợi Nhuận Gộp (tỷ VND)	206	507	1,173	1,364	2,172	2,214
Chi phí lãi vay (tỷ VND)	(1,254)	(972)	(793)	271	(716)	(564)
KLCP DLH (triệu CP)	927	927	927	927	1,057	1,267
VCSH (tỷ VND)	10,028	4,673	5,195	6,726	9,326	13,284
Tổng Tài Sản (tỷ VND)	37,266	18,440	19,798	21,528	22,281	27,744
Book Value	10,812	5,039	5,601	7,252	8,819	10,481
EPS	(1,354)	219	1,217	1,843	958	1,194
ROE	-12.5%	4.3%	21.7%	25.4%	10.9%	8.6%
Vay Ngắn Hạn (tỷ VND)	8,772	2,510	4,000	4,829	5,748	6,257
Vay Dài Hạn (tỷ VND)	9,331	5,777	4,165	3,082	1,217	2,115
Tổng Nợ vay (tỷ VND)	18,103	8,286	8,166	7,910	6,965	8,371
Nợ Vay/VCSH	180.5%	177.3%	157.2%	117.6%	74.7%	63.0%

LỊCH SỰ KIỆN



Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6
 <p>Diễn Các nhà ngoại giao EU họp để thúc đẩy nghị trình tăng trưởng và năng suất, chuẩn bị cho hội nghị thượng đỉnh EU ngày 23-24/11</p>	 <p>Thủ tướng Sanae Takaichi (nữ đầu tiên) họp nội các về an ninh</p> <p>Đài Loan, có thể huy động lực lượng tự vệ nếu xung đột. Tăng căng thẳng khu vực, đẩy JPY làm tài sản trú ẩn, hỗ trợ cổ phiếu quốc phòng nhưng áp lực xuất khẩu sang Trung Quốc.</p>	 <p>Dữ liệu Loan Prime Rate tháng 11, phản ánh chính sách tiền tệ hỗ trợ tăng trưởng. Giảm LPR hỗ trợ CNY yếu hơn, thúc đẩy xuất khẩu và cổ phiếu bất động sản, giảm áp lực toàn cầu lên hàng hóa.</p>	 <p>PMI tháng 11, theo sau GDP sơ bộ Q3, đánh giá phục hồi sau căng thẳng thương mại. PMI mạnh hỗ trợ Nikkei tăng, JPY ổn định; yếu gây bán tháo, ảnh hưởng chuỗi cung ứng toàn cầu.</p>	 <p>Dữ liệu lạm phát cốt lõi (Core PCE) tháng 10, ảnh hưởng quyết định Fed tháng 12. Lạm phát thấp hơn dự báo đẩy USD yếu, cổ phiếu tăng; cao hơn tăng lợi suất trái phiếu, kìm hãm thị trường.</p>
 <p>Tiếp tục đàm phán hậu APEC với Mỹ về khoáng sản quan trọng, sau thỏa thuận tạm dừng kiểm soát xuất khẩu đất hiếm 1 năm.</p>	 <p>Theo dõi thỏa thuận thương mại khung với Mỹ từ chuyến thăm châu Á của Trump, tập trung giảm phụ thuộc nhập khẩu.</p>	 <p>Phát hành dữ liệu PMI flash tháng 11, đánh giá tăng trưởng sản xuất sau front-loading thuế quan. Tác động: PMI cao hơn dự báo hỗ trợ S&P 500 tăng, giảm kỳ vọng cắt giảm lãi suất Fed; thấp hơn gây bán tháo cổ phiếu.</p>	 <p>Cập nhật đầu tư cố định 10 tháng, theo dõi tăng trưởng FDI từ Mỹ và châu Á. Nếu tăng trưởng cao hỗ trợ VN-Index, thu hút vốn nước ngoài; chậm lại gây áp lực VND và xuất khẩu.</p>	 <p>Xuất khẩu tháng 10, đánh giá tác động thỏa thuận thương mại Mỹ-Trung. Tăng trưởng xuất khẩu hỗ trợ CNY, cổ phiếu toàn cầu; suy giảm gây bán tháo hàng hóa và áp lực lạm phát nhập khẩu.</p>

STT	Mã CK	Sàn	Ngày GDKHQ	Ngày ĐKCC	Ngày thực hiện	Nội dung sự kiện	Loại Sự kiện
1	TBC	HOSE	4/12/2025	5/12/2025	25/12/2025	Trả cổ tức đợt 1/2025 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
2	SPM	HOSE	2/12/2025	3/12/2025	17/12/2025	Trả cổ tức năm 2024 bằng tiền, 500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
3	KTC	UPCoM	2/12/2025	3/12/2025	26/12/2025	Trả cổ tức năm 2024 bằng tiền, 400 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
4	PMJ	UPCoM	27/11/2025	28/11/2025	15/12/2025	Trả cổ tức năm 2024 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
5	SFC	HOSE	25/11/2025	26/11/2025	16/12/2025	Trả cổ tức đợt 1/2025 bằng tiền, 1,700 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
6	BTP	HOSE	24/11/2025	25/11/2025	15/12/2025	Trả cổ tức năm 2024 bằng tiền, 330 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
7	VLP	UPCoM	24/11/2025	25/11/2025	24/12/2025	Trả cổ tức năm 2024 bằng tiền, 200 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
8	CMW	UPCoM	21/11/2025	24/11/2025	5/12/2025	Trả cổ tức năm 2024 bằng tiền, 663 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
9	MPY	UPCoM	21/11/2025	24/11/2025	1/12/2025	Trả cổ tức năm 2024 bằng tiền, 600 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
10	TIX	HOSE	21/11/2025	24/11/2025	24/12/2025	Trả cổ tức đợt 2/2025 bằng tiền, 1,250 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
11	PMW	UPCoM	20/11/2025	21/11/2025	10/12/2025	Trả cổ tức đợt 2/2025 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
12	CMP	UPCoM	19/11/2025	20/11/2025	1/12/2025	Trả cổ tức năm 2024 bằng tiền, 149 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
13	L40	HNX	19/11/2025	20/11/2025	2/12/2025	Trả cổ tức năm 2025 bằng tiền, 500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
14	SIP	HOSE	19/11/2025	20/11/2025	18/12/2025	Trả cổ tức đợt 1/2025 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
15	HTL	HOSE	18/11/2025	19/11/2025	5/12/2025	Trả cổ tức đợt 2/2024 bằng tiền, 3,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
16	VEA	UPCoM	18/11/2025	19/11/2025	19/12/2025	Trả cổ tức năm 2024 bằng tiền, 4,700 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
17	PPC	HOSE	18/11/2025	19/11/2025	19/12/2025	Trả cổ tức đợt 2/2024 bằng tiền, 500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
18	VSH	HOSE	18/11/2025	19/11/2025	31/12/2025	Trả cổ tức đợt 2/2025 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
19	VMC	HNX	17/11/2025	18/11/2025		Thưởng cổ phiếu, tỷ lệ 100:10	Thưởng cổ phiếu
20	BMP	HOSE	17/11/2025	18/11/2025	8/12/2025	Trả cổ tức đợt 1/2025 bằng tiền, 6,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt

Các thông tin, số liệu thống kê và khuyến nghị trong bản báo cáo này, bao gồm cả các nhận định cá nhân, được dựa trên các nguồn thông tin công bố đại chúng theo quy định của pháp luật, hoặc các nguồn thông tin mà chúng tôi cho rằng đáng tin cậy tính đến thời điểm phát hành báo cáo. Phòng Phân Tích Ngành và cổ phiếu chỉ sử dụng mà không thực hiện xác minh lại các thông tin này, do đó Phòng Phân Tích Ngành và cổ phiếu không đảm bảo về tính chính xác và đầy đủ của các thông tin này.

Các nhận định, khuyến nghị, so sánh trong bản báo cáo này được đưa ra dựa trên cơ sở phân tích chi tiết và cẩn trọng, theo đánh giá chủ quan của người lập là hợp lý tại thời điểm thực hiện báo cáo. Do đó các phân tích này có thể thay đổi trong tương lai theo tình hình biến động thực tế mà chúng tôi không có trách nhiệm tự động cập nhật liên tục, trừ trường hợp được yêu cầu chính thức từ Ban lãnh đạo Công ty hoặc ràng buộc trong các điều khoản điều kiện của hợp đồng kinh tế đã được công ty ký kết với các đối tác liên quan.

Báo cáo phân tích, định giá này nhằm mục đích tham khảo. Báo cáo phân tích này và các tài liệu đi kèm được lập bởi Phòng Phân Tích Ngành và cổ phiếu – CTCP Chứng Khoán OCBS, tất cả các quyền sở hữu trí tuệ liên quan đến báo cáo này đều thuộc sở hữu của CTCP Chứng khoán OCBS. Công ty nghiêm cấm mọi việc sử dụng, in ấn, sao chép, tái xuất bản toàn bộ hoặc từng phần bản Báo cáo này vì bất cứ mục đích gì mà không có sự chấp thuận của Công ty.

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Công ty Cổ phần Chứng khoán OCBS

Tầng 26, Tòa nhà The Hallmark, Số 15 đường Trần Bạch Đằng, Phường An Khánh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: (024) 7770 1212

Website: <https://ocbs.com.vn/>

Phòng phân tích

Email: research@ocbs.com.vn



THANK YOU